

MỤC LỤC

| NỘI DUNG | Trang |
|---|-------|
| Mục lục | 1 |
| Danh mục chữ viết tắt | 3 |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá | 4 |
| Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU | 6 |
| Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ | 11 |
| A. ĐẶT VẤN ĐỀ | 11 |
| B. TỰ ĐÁNH GIÁ | 13 |
| Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường | 13 |
| Mở đầu | 13 |
| Tiêu chí 1.1: Xây dựng chiến lược phát triển nhà trường | 13 |
| Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thực) và các hội đồng khác | 15 |
| Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, các tổ chức xã hội khác và các hội đồng hoạt động theo quy định của Điều lệ trường trung học và quy định của pháp luật. | 17 |
| Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng | 19 |
| Tiêu chí 1.5: Lớp học | 21 |
| Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản | 22 |
| Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên | 25 |
| Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục | 26 |
| Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở | 28 |
| Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự trường học | 30 |
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i> | 32 |
| Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh | 33 |
| Mở đầu | 33 |
| Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng | 33 |
| Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên | 35 |
| Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên | 37 |
| Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh | 39 |
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i> | 40 |
| Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học | 41 |

| | |
|---|-------|
| Mở đầu | 41 |
| Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập | 41 |
| Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập | 43 |
| Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị | 44 |
| Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước | 46 |
| Tiêu chí 3.5: Thiết bị | 47 |
| Tiêu chí 3.6: Thư viện | 49 |
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i> | 51 |
| Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội | 51 |
| Mở đầu | 51 |
| Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh. | 51 |
| Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường. | 53 |
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i> | 56 |
| Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục | 56 |
| Mở đầu | 56 |
| Tiêu chí 5.1: Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông | 57 |
| Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện | 59 |
| Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định. | 61 |
| Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp. | 63 |
| Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh. | 65 |
| Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục. | 67 |
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i> | 70 |
| Phần III. KẾT LUẬN CHUNG | 71 |
| Phần IV. PHỤ LỤC | 72-83 |
| DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG | |

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

| STT | Chữ viết tắt | Nội dung |
|-----|--------------|--------------------------|
| 1 | BCH | Ban chấp hành |
| 2 | UBND | Ủy ban nhân dân |
| 3 | BGD-ĐT | Bộ giáo dục đào tạo |
| 4 | BĐD | Ban đại diện |
| 5 | CBGV | Cán bộ, giáo viên |
| 6 | CĐCS | Công đoàn cơ sở |
| 7 | CM | Chuyên môn |
| 8 | CMHS | Cha mẹ học sinh |
| 9 | CNTT | Công nghệ thông tin |
| 10 | GV | Giáo viên |
| 11 | HĐKL | Hội đồng kỷ luật |
| 12 | HĐSP | Hội đồng sư phạm |
| 13 | HĐTĐG | Hội đồng tự đánh giá |
| 14 | HKPD | Hội khoẻ Phù Đổng. |
| 15 | HS | Học sinh |
| 16 | HT | Hiệu trưởng |
| 17 | P.HT | Phó Hiệu trưởng |
| 18 | PCGD | Phổ cập giáo dục |
| 19 | PHHS | Phụ huynh học sinh |
| 20 | Phòng GD&ĐT | Phòng Giáo dục & Đào tạo |
| 21 | QLCL | Quản lý chất lượng |
| 22 | Sở GD&ĐT | Sở Giáo dục và Đào tạo |
| 23 | TĐG | Tự đánh giá |
| 24 | TĐTT | Thể dục thể thao. |
| 25 | THCS | Trung học cơ sở |
| 26 | TNTP | Thiếu niên tiên phong |
| 27 | TTCM | Tổ trưởng chuyên môn |

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

(Đánh dấu (×) vào ô kết quả tương ứng Đạt hoặc Không đạt)

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

| Tiêu chuẩn, tiêu chí | Kết quả | | | |
|-------------------------|-----------|-------|-------|-------|
| | Không đạt | Đạt | | |
| | | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 |
| Tiêu chuẩn 1 | | | | |
| Tiêu chí 1.1 | | X | X | X |
| Tiêu chí 1.2 | | X | X | / |
| Tiêu chí 1.3 | | X | X | X |
| Tiêu chí 1.4 | X | | X | X |
| Tiêu chí 1.5 | | X | | |
| Tiêu chí 1.6 | | X | X | |
| Tiêu chí 1.7 | | X | X | / |
| Tiêu chí 1.8 | | X | X | / |
| Tiêu chí 1.9 | | X | X | / |
| Tiêu chí 1.10 | | X | X | / |
| Tiêu chuẩn 2 | | | | |
| Tiêu chí 2.1 | | X | X | X |
| Tiêu chí 2.2 | X | | X | X |
| Tiêu chí 2.3 | | X | X | X |
| Tiêu chí 2.4 | | X | X | X |
| Tiêu chuẩn 3 | | | | |
| Tiêu chí 3.1 | | X | X | |
| Tiêu chí 3.2 | | X | X | |
| Tiêu chí 3.3 | | X | X | |
| Tiêu chí 3.4 | | X | X | / |
| Tiêu chí 3.5 | | X | X | |
| Tiêu chí 3.6 | | X | X | |
| Tiêu chuẩn 4 | | | | |
| Tiêu chí 4.1 | | X | X | X |
| Tiêu chí 4.2 | | X | X | |
| Tiêu chuẩn 5 | | | | |
| Tiêu chí 5.1 | | X | X | X |

| | | | | |
|--------------|--|---|---|---|
| Tiêu chí 5.2 | | X | X | X |
| Tiêu chí 5.3 | | X | X | / |
| Tiêu chí 5.4 | | X | X | / |
| Tiêu chí 5.5 | | X | X | X |
| Tiêu chí 5.6 | | X | X | X |

Kết quả: Không đạt mức 1

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

| Tiêu chí | Kết quả | | Ghi chú |
|------------------|---------|-----------|---------|
| | Đạt | Không đạt | |
| Khoản 1, Điều 22 | | X | |
| Khoản 2, Điều 22 | | X | |
| Khoản 3, Điều 22 | | X | |
| Khoản 4, Điều 22 | | X | |
| Khoản 5, Điều 22 | | X | |
| Khoản 6, Điều 22 | | X | |

Kết quả: Không đạt mức 4

2. Kết luận: Không đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1.

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: **TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGUYỄN NGHIÊM**
Cơ quan chủ quản: **PHÒNG GD&ĐT THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI**

| | | | |
|--|---------------|------------------------------|---|
| Thành phố | Quảng Ngãi | Họ và tên hiệu trưởng | Nguyễn Thị Hồng Nga |
| Huyện/quận /thị xã | Quảng Ngãi | Điện thoại | 0935.527.636 |
| Xã / phường/thị trấn | Nguyễn Nghiêm | Fax | |
| Đạt chuẩn quốc gia | 2012 | Website | <i>c2nguyennghiem.pgdquangngai.edu.vn</i> |
| Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập) | 1990 | Số điểm trường | 1 |
| Công lập | Công lập | Loại hình khác | |
| Tư thục | | Thuộc vùng khó khăn | |
| Trường chuyên biệt | | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn | |
| Trường liên kết với nước ngoài | | | |

1- Số lớp học:

| Số lớp | Năm học 2017-2018 | Năm học 2018-2019 | Năm học 2019-2020 | Năm học 2020-2021 | Năm học 2021-2022 |
|-------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| Khối lớp 6 | 9 | 8 | 8 | 8 | 7 |
| Khối lớp 7 | 8 | 9 | 8 | 8 | 8 |
| Khối lớp 8 | 8 | 8 | 9 | 8 | 8 |
| Khối lớp 9 | 8 | 8 | 8 | 9 | 8 |
| Cộng | 33 | 33 | 33 | 33 | 31 |

2. Số phòng học và các phòng chức năng khác:

| | Năm học 2017-2018 | Năm học 2018-2019 | Năm học 2019-2020 | Năm học 2020-2021 | Năm học 2021-2022 |
|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| Phòng học kiên cố | 12 | 17 | 17 | 17 | 17 |

| | | | | | |
|-----------------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| Phòng học bán kiên cố | 4 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Phòng học tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Các phòng chức năng khác | 3 | 5 | 5 | 5 | 5 |
| Các phòng hiệu bộ | 6 | 6 | 6 | 6 | 6 |
| Cộng | 25 | 28 | 28 | 28 | 28 |

3- Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên:

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá:

| | Tổng số | Nữ | Dân tộc | Trình độ đào tạo | | | Ghi chú |
|-----------------|------------|----|------------|------------------|---------------|----------------------|------------|
| | | | | Đạt chuẩn | Trên chuẩn | Chưa đạt chuẩn | |
| Hiệu trưởng | 1 | 1 | Kinh | 1 | 0 | 0 | |
| Phó hiệu trưởng | 1 | 1 | Kinh | 1 | 0 | 0 | |
| Giáo viên | 58 | 48 | Kinh | 51 | 3 | 4 | |
| Nhân viên | 3 | 3 | Kinh | 1 | 2 | 0 | |
| Cộng | 63 | 53 | Kinh | 54 | 5 | 4 | |

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

| | Năm học 2017- 2018 | Năm học 2018- 2019 | Năm học 2019- 2020 | Năm học 2020- 2021 | Năm học 2021- 2022 |
|---|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Tổng số giáo viên | 64 | 63 | 62 | 57 | 57 |
| Tỷ lệ giáo viên /lớp | 1,93 | 1,9 | 1,87 | 1,81 | 1,84 |
| Tỷ lệ giáo viên /học sinh | 0,042 | 0,04 | 0,04 | 0,037 | 0,039 |
| Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện và tương đương | 16 | 18 | 17 | 16 | 16 |
| Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên | 37 | 37 | 34 | 30 | 30 |

4- Học sinh:

a) Số liệu chung:

| | Năm học 2017-2018 | Năm học 2018-2019 | Năm học 2019-2020 | Năm học 2020-2021 | Năm học 2021-2022 |
|--|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | | | | | |

| | | | | | |
|---|------|------|------|------|------|
| Tổng số | 1502 | 1546 | 1523 | 1537 | 1427 |
| - Khối lớp6 | 400 | 396 | 393 | 385 | 257 |
| - Khối lớp7 | 374 | 401 | 383 | 393 | 389 |
| - Khối lớp8 | 371 | 376 | 383 | 386 | 393 |
| - Khối lớp9 | 357 | 373 | 364 | 373 | 388 |
| Nữ | 702 | 700 | 733 | 763 | |
| Dân tộc | 0 | 0 | 0 | 01 | 03 |
| Đối tượng chính sách | 13 | 5 | 7 | 04 | 01 |
| Khuyết tật | 0 | 0 | 0 | 01 | 01 |
| Tuyển mới | 399 | 396 | 394 | 385 | 258 |
| Lưu ban | 0 | 6 | 0 | 0 | |
| Bỏ học | 2 | 1 | 3 | 0 | 03 |
| Học 2 buổi/ngày | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Bán trú | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Nội trú | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tỷ lệ bình quân học sinh/lớp | 45,5 | 46,8 | 46,2 | 46,6 | 46 |
| Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |
| - Nữ | 702 | 700 | 733 | 763 | |
| - Dân tộc | 2 | 1 | 0 | 01 | 03 |
| Tổng số học sinh hoàn thành chương trình cấp học/tốt nghiệp | 356 | 372 | 363 | 373 | 385 |
| - Nữ | 178 | 177 | 153 | 190 | 193 |
| - Dân tộc | 0 | 0 | 0 | 01 | 0 |
| Tổng số học sinh giỏi cấp tỉnh | 45 | 44 | 0 | 42 | 37 |
| Tổng số học sinh giỏi quốc gia | 0 | 0 | 0 | 01 | 13 |

b) Kết quả giáo dục (đối với trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học).

| Số liệu | Năm học 2017-2018 | Năm học 2018-2019 | Năm học 2019-2020 | Năm học 2020-2021 | Năm học 2021-2022 | Ghi chú |
|---------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|---------|
|---------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|---------|

| | | | | | | |
|---|-------|-------|-------|--------|-------|------------------------------------|
| Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi | 43,5% | 41,6% | 49% | 47.2% | 47,2% | 52,5 % (khối 6) |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại khá | 39,3% | 40,1% | 35,1% | 36,1% | 38,3% | 36,9% (khối 6) |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại Tb | 14,9% | 17,1% | 15% | 15,5% | 13,3% | 10,5 (khối 6) |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém | 2,1% | 1,2% | 0,9% | 1,1% | 1,2% | 0,1 (khối 6) |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt | 96,1% | 96.2% | 97,6% | 95,32% | 90,2% | 96,9% (khối 6) |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá | 3,7% | 3,6% | 2,3% | 4,55% | 9,2% | 3,1% (khối 6) |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình | 0,2% | 0,2% | 0,1% | 0,13 | 0,6% | 0 |
| Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS (THPT) | 99,7% | 99,9% | 99,7% | 100% | 99,2% | |
| Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học | | | | | | |
| Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học | | | | | | Đối với nhà trường có lớp tiểu học |
| Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học | | | | | | |

| | | | | | | |
|---------------------------|--|--|--|--|--|--|
| Các số liệu khác (nếu có) | | | | | | |
|---------------------------|--|--|--|--|--|--|

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

I. Tình hình chung của nhà trường:

Trường THCS Nguyễn Nghiêm được tách ra từ trường PTCS Nguyễn Nghiêm từ năm 1990 theo Quyết định số 29/QĐ-UB ngày 22 tháng 8 năm 1990 của Chủ tịch UBND thị xã Quảng Ngãi (trước kia trường có tên là Kim Thông được thành lập năm 1960 do Linh Mục Nguyễn Văn Ngoan làm Hiệu trưởng đầu tiên).

Trường THCS Nguyễn Nghiêm đóng tại số 72, đường Phan Chu Trinh, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, có diện tích 5631m².

Trong những năm qua, trường THCS Nguyễn Nghiêm đã từng bước khẳng định chất lượng của mình trong toàn tỉnh. Nhà trường có đội ngũ giáo viên tương đối đồng đều về chuyên môn, nghiệp vụ. Trường có nhiều cán bộ giáo viên được công nhận danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, cấp cơ sở và là giáo viên cốt cán về chuyên môn của Sở và Phòng GD&ĐT thành phố Quảng Ngãi. Qua hội thi giáo viên dạy giỏi các cấp, trường đều có giáo viên tham gia và đạt thành tích cao. Đến năm học 2021-2022 trường có 30 GV dạy giỏi cấp tỉnh, 16 GV dạy giỏi cấp thành phố, 30 GV giỏi và CSTĐ cấp cơ sở, 08 chiến sĩ thi đua cấp tỉnh. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đoàn kết, trách nhiệm, cầu tiến.

Quy mô phát triển của đơn vị thuộc trường loại 1 với biên chế hằng năm trên 31 lớp và 99,8% học sinh xếp loại hạnh kiểm từ khá trở lên, 85,5% xếp loại học lực từ loại khá trở lên; trong đó học sinh giỏi chiếm 47,2 %, tỉ lệ học sinh của trường tốt nghiệp THCS hằng năm đạt từ 99,0% trở lên. Hằng năm trường có tỉ lệ học sinh đạt giải cấp tỉnh, thành phố về các môn học văn hoá dẫn đầu thành phố và đạt nhiều giải thưởng ở các hội thi văn nghệ, TDTT, mỹ thuật,...

II. Mục đích của tự đánh giá:

- Nhằm xác định nhà trường đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn; lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường; để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận hoặc không công nhận cơ sở giáo dục phổ thông đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

- Từng bước khuyến khích đầu tư và huy động các nguồn lực cho giáo dục, góp phần tạo điều kiện đảm bảo cho nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục; để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận hoặc không công nhận cơ sở giáo dục phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

- Xem xét, kiểm tra, đánh giá chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành, từng bước nâng cao chất

lượng giáo dục tại đơn vị, xây dựng trường trở thành trung tâm giáo dục của địa phương.

III. Quá trình tự đánh giá và những vấn đề nổi bật trong báo cáo tự đánh giá:

1. Quá trình tự đánh giá:

Thực hiện theo thông tư 18/2019/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Bộ GD&ĐT (thay cho TT 42/BGDĐT) và Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông.

Qua công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng, nhà trường sẽ thấy được thực trạng điểm mạnh, điểm yếu của trường, xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn để từ đó từng bước phấn đấu, có biện pháp cải tiến chất lượng nâng cao hiệu quả giáo dục về mọi mặt.

Quá trình tự đánh giá đã được thực hiện đúng hướng dẫn, đảm bảo tính dân chủ, khách quan, công khai và khoa học. Trong quá trình tự đánh giá, HĐTĐG đã phân công và xây dựng kế hoạch cụ thể. Để đảm bảo tính trung thực trong báo cáo, nhà trường đã thu thập các minh chứng chính xác.

2. Những vấn đề nổi bật trong báo cáo tự đánh giá:

Báo cáo được trình bày lần lượt từng tiêu chí của từng tiêu chuẩn. Mỗi tiêu chí đều được mô tả rõ ràng, cụ thể hiện trạng của nhà trường cần đạt được trong mỗi tiêu chí. Sau khi mô tả hiện trạng, báo cáo TĐG còn đề cập tới những điểm mạnh, điểm yếu của nhà trường và đặc biệt một nội dung rất quan trọng, rất cần thiết trong mỗi tiêu chí đó là kế hoạch cải tiến, phát huy những điểm mạnh, đề ra các biện pháp khắc phục điểm yếu, tuy ngắn gọn nhưng rõ ràng và có tính khả thi.

Để thể hiện tính trung thực trong báo cáo, nhà trường đã thể hiện qua các mã minh chứng, đó là bằng chứng cho sự lao động nghiêm túc của tập thể CBVC trong trường. Sau nhiều tháng làm việc đầy tâm huyết và trách nhiệm, công tác TĐG của trường đã cơ bản thành công. Đó là bằng chứng cho thấy các hoạt động của nhà trường, sự phấn đấu vươn lên của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường trong những năm qua. Bản báo cáo là công trình khoa học tập trung trí tuệ và công sức cao của tập thể, là nền tảng để nhà trường làm cơ sở phấn đấu trong những năm tiếp theo.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu: Ở tiêu chuẩn này nhà trường làm rõ việc xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường có phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo

từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường đồng thời, xác định rõ phương hướng thực hiện. Phương hướng, chiến lược được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo theo trình tự, đảm bảo tính pháp lý và được công bố công khai.

Cũng tại tiêu chuẩn này cho chúng ta thấy quy trình, số lượng thành viên và tổ chức hoạt động của Hội đồng trường, Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường. Làm rõ công tác nhân sự, lớp học, học sinh theo quy định đồng thời quan tâm tới công tác bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo như việc xem xét kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên, phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường, đề cập đến việc đảm bảo các quyền theo quy định đối với Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong đơn vị.

Đối với việc quản lý các hoạt động giáo dục đề cập đến việc xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường việc đánh giá, rà soát, điều chỉnh kịp thời.

Tiêu chuẩn này cũng đề cập đến việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; vấn đề an toàn thực phẩm đối với học sinh. Sau đây là phần đánh giá chi tiết của từng tiêu chí trong tiêu chuẩn 1:

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3: Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của 11 thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng:

1.1. Mức 1:

- Căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường và địa phương, tháng 12 năm 2014 nhà trường đã hoàn thành “Chiến lược phát triển giai đoạn 2015 - 2020 định hướng đến năm 2025”, tháng 02 năm 2019 nhà trường đã xây dựng “Chiến lược phát triển giai đoạn 2020 - 2025 định hướng đến năm 2030” phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục [H1-1.1-01], phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường. Hằng năm có đầy đủ các văn bản báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản hội nghị CNVC [H1-1.1-02]. Biên bản lưu ở phòng Hiệu trưởng (HT)

- Chiến lược phát triển được Phòng GD&ĐT phê duyệt và được rà soát, bổ sung và điều chỉnh hằng năm [H1-1.1-03].

- Chiến lược phát triển đã được đưa lên trang Website đơn vị với đường link <http://c2nguyennghiemtp.quangngai.edu.vn/cong-dien-so-488-cd-ttg-ngay-03-thang-6-nam-2022-ve-viec-chap-hanh-quy-dinh-ve-phong-chong-tac-hai-cua-ruou-bia.html>, công khai tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường, phụ huynh, học sinh được biết và được niêm yết tại phòng hội đồng, có sổ biên bản họp hội đồng trường (Lưu tại phòng HT) [H1-1.1-04].

1.2. Mức 2:

- Nhà trường đã thực hiện tốt việc giám sát thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển: Có kế hoạch chiến lược thực hiện nhiệm vụ năm học, giai đoạn đã được cấp trên phê duyệt, sở nghị quyết và kế hoạch công tác, các báo cáo sơ kết tổng kết [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02]. [H1-1.1-03]

1.3. Mức 3:

Từng năm học, nhà trường đã tổ chức rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược và phát triển có sự tham gia của Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng. Tuy đã được rà soát, điều chỉnh bổ sung nhưng một số chỉ tiêu chưa thực hiện được ví dụ như chỉ tiêu xin xây dựng 9 phòng học mới và xây dựng mới khu hiệu bộ vào năm 2021 nhưng hiện nay chưa thực hiện được. [H1-1.1-01]; [H1-1.1-04].

2. Điểm mạnh:

- Chiến lược phát triển có sự tham gia đóng góp ý kiến của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường. Các mục tiêu trong chiến lược phát triển giáo dục phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương và mục tiêu giáo dục phổ thông cấp THCS.

- Trong quá trình xây dựng chiến lược phát triển, nhà trường đã căn cứ vào các nguồn lực về nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất hiện tại và định hướng phát triển

kinh tế - xã hội của địa phương đề ra mục tiêu phấn đấu và biện pháp thực hiện mang tính khả thi.

3. Điểm yếu:

Chiến lược phát triển chưa thực sự được lấy ý kiến bổ sung rộng rãi của học sinh, phụ huynh và nhân dân.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

- Trong năm học 2021 - 2022 và những năm tiếp theo, nhà trường sẽ tăng cường phổ biến và lấy ý kiến rộng rãi về chiến lược. Biện pháp thực hiện khi đã đưa nội dung toàn văn chiến lược trên trang Website của đơn vị, tranh thủ lấy ý kiến đóng góp tại một số cuộc họp thường kì của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, UBND phường Nguyễn Nghiêm. Đồng thời sẽ đưa tin tóm tắt nội dung chiến lược trên đài phát thanh của Phường Nguyễn Nghiêm.

- Trong quá trình thực hiện chiến lược phát triển, nhà trường sẽ tổ chức sơ kết theo định kỳ, rút ra những ưu điểm và hạn chế trên cơ sở các ý kiến góp ý để bổ sung và điều chỉnh nhằm thực hiện hiệu quả các mục tiêu đã đề ra trong chiến lược phát triển.

5. Tự đánh giá:

| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
|------------|----------------|------------------|----------------|------------------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | * | Đạt | * | Đạt |
| b | Đạt | - | Đạt | - | Đạt |
| c | Đạt | - | Đạt | - | Đạt |
| Đạt | | Đạt | | Đạt | |

Kết quả: Đạt mức 3.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

1.1. Mức 1:

- Hội đồng trường được thành lập và có sự điều chỉnh theo đúng Điều lệ trường trung học. Hội đồng tư vấn, hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng kỷ luật được thành lập theo đúng quy định. [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04].

- Hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đúng theo quy định [H1-1.2-04].

- Các hoạt động được định kỳ và rà soát: sổ biên bản họp hội đồng trường, biên bản họp của các hội đồng tư vấn (Lưu tại phòng HT) [H1-1.2-04].

1.2. Mức 2:

Hội đồng trường và các hội đồng khác hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. [H1-1.2-04]*; [H1-1.2-05]*

2. Điểm mạnh:

Hội đồng trường được thành lập và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định tại Điều lệ trường THCS.

Các hoạt động đem lại hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Các hoạt động của Hội đồng trường sát với đặc điểm của nhà trường phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội tại địa phương và đặc biệt đã linh hoạt trong việc triển khai thực hiện phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.

3. Điểm yếu:

Hội đồng tư vấn tâm lý học đường chưa được đào tạo chuyên sâu nên hoạt động tư vấn đạt hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Cử cán bộ, giáo viên trong tổ tư vấn tham gia các lớp đào tạo chuyên sâu về tư vấn tâm lý học đường.

5. Tự đánh giá:

| Mức 1 | | Mức 2 | |
|--------------|----------------|------------------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | * | Đạt |
| b | Đạt | - | - |
| c | Đạt | - | - |
| Đạt | | Đạt | |

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng:

1.1. Mức 1:

- Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Chi đoàn. Liên đội thiếu niên tiên phong HCM có cơ cấu tổ chức theo quy định, năm học 2021-2022 chi bộ Đảng của trường có 33 đảng viên, công đoàn trường hiện có 63 công đoàn viên, trong đó 58 nữ, Chi đoàn có 10 đoàn viên [H1-1.3-01]. Hội đồng thi đua khen thưởng được thành lập theo Quyết định thành lập hội đồng thi đua, khen thưởng hằng năm [H1-1.3-02].

- Hoạt động của các tổ chức đảm bảo theo Điều lệ của từng tổ chức. Sổ biên bản họp hội đồng nhà trường [H1-1.3-03]. (lưu tại phòng hiệu trưởng). Nhà trường triển khai các nội dung qua cuộc họp hội đồng nhà trường (lưu tại phòng hiệu trưởng). [H1-1.3-03].

- Hằng năm các tổ chức đều xây dựng Nghị quyết, triển khai thực hiện có hiệu quả và được đánh giá, rà soát và điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng giáo dục tại đơn vị.

1.2. Mức 2:

- Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam có cơ cấu và hoạt động theo quy định. Trong 5 năm qua tổ chức Đảng: 01 năm xếp loại Chi bộ trong sạch vững mạnh, 01 năm hoàn thành nhiệm vụ, 03 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ. [H1-1.3-05; H1-1.3-07]. Chi bộ Đảng của trường năm học 2021-2022 có 33 đảng viên, đạt tỉ lệ 50,7% so với tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường [H1-1.3-05; H1-1.3-07].

- Tổ chức công đoàn, Đoàn Thanh niên, Đội Thiếu niên đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường. [H1-1-03-08].

- Hoạt động ngoại khóa được tổ chức tốt theo kế hoạch đề ra [H1-1.3-06].

- Các cuộc họp triển khai đầy đủ các công văn, thông tư đến toàn thể HĐSP nhà trường.

1.3. Mức 3:

- Trong 5 năm liên tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam có 01 năm được xếp Chi bộ trong sạch vững mạnh, 01 năm hoàn thành nhiệm vụ và 03 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, có quyết định cấp trên công nhận Chi bộ từ năm 2017 đến năm 2021. [H1 - 1.3 - 05]

Năm 2017: Thông báo số 93- TB/ĐU tổ chức cơ sở đảng đạt “trong sạch vững mạnh”.

Năm 2018: Thông báo số 174- TB/ĐU đạt “Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ”.

Năm 2019: Thông báo số 228- TB/ĐU đạt “Chi bộ hoàn thành nhiệm vụ”.

Năm 2020: Thông báo số 40- TB/ĐU đạt “Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ”.

Năm 2021: Thông báo số 80 - TB/ĐU đạt “Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ”.

- Hội đồng thi đua khen thưởng của nhà trường được thành lập theo từng năm học, đúng thành phần. Có nhiệm vụ tư vấn về công tác kiểm tra, xét duyệt thi đua khen thưởng đối với giáo viên và học sinh theo từng học kỳ và cuối năm học, theo Quy chế thi đua khen thưởng của nhà trường [H1- 1.3 - 04].

- Các quyết định thành lập ban ngoại khóa và có Kế hoạch hoạt động ngoại khóa [H - 1.3 - 06]. Hoạt động ngoại khóa tổ chức đảm bảo theo Điều lệ của nhà trường.

Các giấy khen của Đoàn, Đội [H1 - 1.3 - 08].

+ **Đoàn và Đội:** Tổ chức công đoàn, Đoàn Thanh niên, Đội Thiếu niên đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

+ **Chi đoàn:** Chi đoàn trường trực thuộc Đoàn Phường Nguyễn Nghiêm và được đánh giá Chi đoàn mạnh hàng năm [H1-1-03-08]. Năm 2017 được Đoàn Phường cấp giấy khen (lưu tại phòng Đoàn - Đội).

+ **Liên đội:** Liên đội trường nhiều năm liên đạt thành tích Liên đội xuất sắc cấp thành phố. [H1-1-03-08]. Các giấy khen của Đoàn, Đội [H1 - 1.3 - 08].

Năm 2017 đến năm 2021 được Hội đồng đội cấp giấy khen (lưu tại phòng Đoàn - Đội).

2. Điểm mạnh:

Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam và các đoàn thể trong nhà trường đã được thành lập đúng theo quy định của Điều lệ; thành phần cơ cấu phù hợp có tác động mạnh nhằm nâng cao hiệu quả chất lượng giáo dục và các hoạt động tại đơn vị góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của thành phố Quảng Ngãi.

Các tổ chức đã xây dựng được kế hoạch, Nghị quyết hoạt động, hàng năm định kì sinh hoạt đã rà soát các chỉ tiêu đồng thời điều chỉnh phù hợp với từng giai đoạn.

3. Điểm yếu:

- Số lượng Đoàn viên ít, hiện nay chi đoàn chỉ có 10 đoàn viên, lực lượng đoàn viên giáo viên trẻ nhưng có con nhỏ nên không có nhiều thời gian cho công tác Đoàn.

- Kinh phí dành cho hoạt động Đoàn không có.

- Hoạt động dạy chiếm phần lớn thời gian. Số lượng học sinh đông lại học 2 ca mà tất cả các hoạt động đều dành vào ngày thứ 5 hàng tuần nên nhiều lúc không có quỹ thời gian để tổ chức thêm các hoạt động ngoại khóa cho học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

- Cần có bước đột phá trong xây dựng kế hoạch của Chi bộ trường, Công đoàn, Đoàn, Đội và các tổ chức xã hội khác cho phù hợp với từng năm học để đạt kết quả ngày càng cao hơn.

- Đoàn viên chi Đoàn tham gia nhiệt tình các hoạt động, có kế hoạch gây quỹ cho hoạt động đoàn.

- Liên đội nên có kế hoạch tổ chức thêm các hoạt động ngoài giờ cho các em.

- Hằng năm tiếp tục kiện toàn lại các tiêu chí thi đua, khen thưởng của nhà trường.

5. Tự đánh giá:

| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
|------------|-------------------|---------------------|-------------------|------------|----------------------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt (Nếu có) |
| a | Đạt | a | Đạt | a | Đạt |
| b | Đạt | b | Đạt | b | Đạt |
| c | Đạt | - | - | - | - |
| Đạt | | Đạt | | Đạt | |

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng:

1.1. Mức 1:

Có Hiệu trưởng, 01 Phó hiệu trưởng, do trường là trường hạng I nên phải có 2 Phó hiệu trưởng, vì thế hiện nay chưa đủ số lượng theo quy định. [H1-1.4-01]

Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức đúng theo Điều lệ trường trung học. Có quyết định thành lập tổ chuyên môn gồm Tổ KHXH1, Tổ KHXH2, Tổ KHTN1, Tổ KHTN2 và Tổ Văn phòng [H1-1.4-02]

Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng đều xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm, tháng, tuần cụ thể và thực hiện các nhiệm vụ theo sự chỉ đạo của nhà trường và của ngành phù hợp với điều kiện của trường. Có đầy đủ các sổ biên bản tổ (Lưu hồ sơ ở các tổ chuyên môn) [H1-1.4-03], [H1-1.4-04],

1.2. Mức 2:

Hàng năm các tổ chuyên môn đều đề xuất ít nhất 1 chuyên đề nâng cao chất lượng giáo dục. [H1-1.4-04] H1-1.4-05]

Tổ chuyên môn, tổ văn phòng hàng tháng đều kiểm tra, rà soát đánh giá mức độ thực hiện các nhiệm vụ được giao và điều chỉnh để phù hợp với các hoạt động thực tế của nhà trường. [H1- 1.4- 04]*

1.3. Mức 3:

Tổ chuyên môn và tổ văn phòng tổ chức các hoạt động đạt hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường. Các tổ chuyên môn thường xuyên tổ chức các tiết thao giảng, các buổi sinh hoạt theo chủ đề, NCBH đồng thời thành lập các câu lạc bộ và tổ chức hoạt động giúp cho học sinh có môi trường trao đổi, giao lưu, chia sẻ kiến thức các môn học. [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06].

2. Điểm mạnh:

Tổ chuyên môn và tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm, tháng phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường. Tổ chuyên môn tổ chức triển khai các chuyên đề góp phần nâng cao chất lượng đại trà.

Nhà trường và các tổ chuyên môn thường xuyên kiểm tra các hoạt động theo kế hoạch đề ra nhằm giúp đỡ và hỗ trợ giáo viên, nhân viên thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu:

Chưa có đủ số lượng phó hiệu trưởng theo quy định, số giáo viên cùng bộ môn trong mỗi tổ chuyên môn ít nên việc trao đổi rút kinh nghiệm đạt hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tăng cường sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường tạo điều kiện cho giáo viên trao đổi kinh nghiệm.

Nâng cao chất lượng các chuyên đề về đổi mới phương pháp và kiểm tra đánh giá kết quả học tập, các chuyên đề sau khi triển khai cần được đánh giá rút kinh nghiệm để những năm sau tổ chức tốt hơn.

Bố trí thời gian hợp lý để các câu lạc bộ hoạt động hiệu quả hơn.

Làm tốt công tác tham mưu với các cấp để bố trí đủ Phó hiệu trưởng cho nhà trường.

5. Tự đánh giá:

| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
|------------------|------------------|------------------|----------------|------------------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a | Không đạt | a | Đạt | a | Đạt |
| b | Đạt | b | Đạt | b | Đạt |
| c | Đạt | c | - | - | - |
| Không đạt | | Đạt | | Đạt | |

Kết quả: Không đạt

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

1.2. Mức 1:

- Có đủ các lớp từ lớp 6 đến lớp 9 của cấp học Trung học cơ sở. Đến thời điểm đánh giá, Trường có 31 lớp với 1427 học sinh, trong đó : Khối 6 có 7 lớp; Khối 7 có 8 lớp, Khối 8 có 8 lớp, Khối 9 có 8 lớp. [H1-1.5- 01] - Sổ đăng bộ lưu tại phòng Văn thư; [H1-1.5-02]; [H1-1.5 - 05] - Sổ gọi tên và ghi điểm lưu tại phòng Văn thư.

- Học sinh được tổ chức theo lớp. Mỗi lớp có 01 lớp trưởng, 03 lớp phó (lớp phó học tập, lớp phó văn thể, lớp phó lao động) do tập thể lớp bầu ra vào đầu mỗi năm học. Mỗi lớp được chia thành 4 tổ, mỗi tổ 19-14 em. Có 01 tổ trưởng, 01 tổ phó

do các thành viên trong tổ bầu ra vào đầu mỗi năm học.[H1-1.5-03] - Sổ chủ nhiệm lưu tại phòng Văn thư.

- Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. Các em học sinh được đề cử, bầu chọn ban cán sự lớp, xây dựng nội quy hoạt động của lớp. [H1-1.5 -04] - Biên bản ĐH Chi đội lưu tại phòng Đội.

1.2. Mức 2:

Năm học 2021- 2022, trường có 31 lớp, một số lớp quá 45 HS/lớp[H1-1.5 - 05] - Sổ gọi tên và ghi điểm lưu tại phòng Văn thư.

2. Điểm mạnh:

Có đủ các lớp, khối lớp của cấp học, lớp học được tổ chức đúng theo quy định Điều lệ trường trung học. Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

3. Điểm yếu:

Một số lớp có sĩ số vượt quá 45 em/lớp (trung bình 46 em/01lớp)

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

- Tiếp tục duy trì và phát huy điểm mạnh.
- Cố gắng điều chỉnh sĩ số học sinh/lớp cho phù hợp với quy định, đặc biệt là giảm chỉ tiêu trong công tác tuyển sinh.

5. Tự đánh giá:

| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
|------------|----------------|------------------|------------------|------------------|------------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | * | Không đạt | * | Không đạt |
| b | Đạt | | | - | - |
| c | Đạt | - | - | - | - |
| Đạt | | Không đạt | | Không đạt | |

Kết quả: Đạt Mức 1

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng:

1.1. Mức 1:

- Nhà trường lưu trữ hồ sơ về quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo đúng quy định. Các hồ sơ sổ sách hành chính được lưu trữ tại văn phòng, quản lý tài chính và tài sản, thiết bị giáo dục tại bộ phận kế toán. Các chứng từ thu chi và thanh toán trong năm cũng được lưu trữ và bảo quản khoa học theo đúng nguyên tắc tài chính. [H1-1.6-01]: Sổ quản lý và hồ sơ trữ các văn bản, công văn đi, đến lưu tại phòng Văn thư; [H1-1.6-02]: Sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục lưu tại bộ phận thiết bị. [H1-1.6-08]: Sổ quản lý tài chính lưu tại phòng Kế toán;

- Hằng năm, nhà trường lập dự toán chi tiêu mua sắm từ ngân sách nhà nước cấp và được cấp trên phê duyệt. Thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính theo đúng chế độ kế toán, tài chính của Nhà nước. Nhà trường có Quy chế chi tiêu nội bộ rõ ràng, hằng năm có điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường [H1-1.6-03]. Mỗi năm công khai tài chính để cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên biết và tham gia giám sát, kiểm tra; định kỳ thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính, có biên bản cụ thể [H1-1.6-04]; Có quyết định giao dự toán hàng năm [H1-1.6-10]; Biên bản và kế hoạch thanh tra nội bộ lưu tại phòng Hiệu trưởng; [H1-1.6-05].

- Có kế hoạch quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường đúng mục đích và có hiệu quả phục vụ cho hoạt động dạy và học [H1-1.6-06].

1.2. Mức 2:

- Nhà trường luôn từng bước đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý và sử dụng hiệu quả 11 phần mềm quản lý kế toán, quản lý tài sản, quản lý nhân sự, quản lý học sinh, phần mềm giao dịch trực tuyến với kho bạc, phần mềm bảo hiểm, phần mềm Bảo hiểm xã hội, phần mềm quản lý văn bản điện tử,... [H1-1.6-07].

- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường thực hiện tốt công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản, không có vi phạm theo kết luận của thanh tra, kiểm toán [H1-1.6-09].

1.3. Mức 3:

Có kế hoạch dài hạn, ngắn hạn, trung hạn để tạo nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện thực tế nhà trường. Tuy nhiên, các giải pháp huy động nguồn tài chính để xây dựng nhà trường chưa thực sự hiệu quả nên các chỉ tiêu về xây dựng cơ sở vật chất, tạo cảnh quan trường học còn chậm. [H1-1.6-11].

2. Điểm mạnh:

- Trường chủ động xây dựng và thực hiện tốt việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản, hồ sơ lưu trữ đúng quy định. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

- Sử dụng hiệu quả các phần mềm để quản lý hành chính, tài chính, tài sản của nhà trường.

- Xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ để chủ động trong quản lý và sử dụng các nguồn tài chính đúng mục đích, công khai, công bằng, minh bạch, hiệu quả, tăng cường quyền giám sát của từng cá nhân, tổ chức trong đơn vị đối với công tác quản lý tài chính và đảm bảo tiết kiệm chi.

3. Điểm yếu:

Việc huy động nguồn vốn bằng công tác xã hội hóa giáo dục đạt hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Đẩy mạnh phối hợp với các đoàn thể của địa phương, các mạnh thường quân và hội phụ huynh học sinh trong công tác huy động các nguồn lực xã hội góp phần phát huy hơn nữa xã hội hóa giáo dục.

5. Tự đánh giá:

| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
|------------|----------------|---------------------|----------------|---------------------|------------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | a | Đạt | * | Không đạt |
| b | Đạt | b | Đạt | - | - |
| c | Đạt | - | - | - | - |
| Đạt | | Đạt | | Không đạt | |

Kết quả: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1.Mô tả hiện trạng:

1.1. Mức 1:

- Hằng năm, nhà trường đều có kế hoạch bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên. [H1-1.7-01]. Nhà trường lưu trữ sổ ghi biên bản qua các năm đầy đủ. [H1-1.7-02]; [H1-1.7-05]. (Lưu ở phòng HT)

- Đầu năm học, nhà trường phân công nhiệm vụ cho từng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên rõ ràng, hợp lý phù hợp với chuyên môn (phân công một số giáo viên kiêm nhiệm) đảm bảo hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường. [H1-1.7-03].

- Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trong nhà trường được đảm bảo các quyền theo quy định, được tham gia góp ý, bổ sung các phương hướng, kế hoạch của nhà trường, quy chế dân chủ, quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan. Cán bộ giáo viên, nhân viên được nhận chế độ lương và các phụ cấp khác đúng quy định. [H1-1.7-04]; [H1-1.7-06].

1.2. Mức 2:

Nhà trường đề ra biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục. Hiệu trưởng phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên phù hợp với trình độ chuyên môn, sở trường công tác. Hiệu trưởng phụ trách quản lý chung. Phó hiệu trưởng phụ trách về chuyên môn, cơ sở vật chất. Giáo viên giảng dạy và giáo dục học sinh theo kế hoạch giáo dục của nhà trường. Nhân viên phụ trách tài chính, văn thư, thư viện, y tế hoạt động theo nhiệm vụ. Hằng năm, nhà trường đều tổ chức các hội thi, phân công giáo viên có năng lực bồi dưỡng học sinh giỏi, hướng dẫn học sinh có năng khiếu để dự thi các cấp, phụ đạo học sinh yếu kém để nâng cao chất lượng. Mỗi giáo viên và nhân viên đều được kiểm tra đánh giá theo định kỳ và đột xuất. Các kế hoạch, hoạt động của nhà trường đều được sơ kết và tổng kết đầy đủ, chính xác và đúng thời gian. [H1-1.7-07]; [H1-1.7-08]; [H1-1.7-09].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường xây dựng và thực hiện đúng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên. Cán bộ quản lý, giáo viên và

nhân viên được bồi dưỡng về chính trị, dự các lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý do ngành tổ chức;

Nhà trường xây dựng được biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục.

3. Điểm yếu:

Việc phân công, giáo viên, nhân viên trong nhà trường đôi lúc còn trái tay, chưa phù hợp với năng lực của mỗi cá nhân

Việc kiểm tra, đánh giá của cán bộ quản lý đối với giáo viên, nhân viên đôi khi chưa kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tham mưu với Phòng GD&ĐT bổ sung giáo viên, nhân viên những bộ môn còn thiếu để phục vụ tốt công tác giáo dục, cần phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường phù hợp với trình độ chuyên môn và năng lực của mỗi cá nhân.

Ban Giám hiệu tiếp tục phát huy vai lãnh đạo, quản lý nhà trường, có kế hoạch kiểm tra đánh giá kịp thời các hoạt động trong nhà trường, tăng cường công tác kiểm tra đột xuất về các hoạt động của các bộ phận trong nhà trường nhằm giúp các bộ phận hoạt động hiệu quả hơn.

5. Tự đánh giá:

| Mức 1 | | Mức 2 | |
|----------------|-----------------------|----------------|-----------------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | * | Đạt |
| b | Đạt | - | - |
| c | Đạt | - | - |
| Đạt | | Đạt | |

Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a. Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường.

b. Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ

c. Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có)

1. Mô tả hiện trạng:

1.1 Mức 1:

Nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương. [H1- 1.8- 01].

Triển khai thực hiện đầy đủ các hoạt động giáo dục theo kế hoạch, đảm bảo theo đúng tiến độ và thời gian quy định. [H1- 1.8- 02]; [H1- 1.8- 03]; [H1- 1.8- 04]. Định kỳ nhà trường đều tổ chức kiểm tra rà soát, đánh giá. Bổ sung điều chỉnh kịp thời kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế.[H1-1.8-05]; [H1-1.8-06]; [H1-1.8-07].

1.1. Mức 2:

Nhà trường có các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

Các kế hoạch, hoạt động của nhà trường đều được sơ kết và tổng kết đầy đủ, chính xác và đúng thời gian. Có đầy đủ hồ sơ báo cáo về việc dạy thêm, học thêm ở nhà trường [H1- 1.7- 08]*; [H1- 1.8- 07]; [H1-1.8-08]. [H1-1.8-09].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương. Có đầy đủ sổ ghi kế hoạch chuyên môn và nội dung các cuộc họp chuyên môn, Kế hoạch giáo dục.

Định kỳ nhà trường đều tổ chức rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời kế hoạch hoạt động giáo dục; Có biên bản sinh hoạt chuyên môn, báo cáo sơ kết, tổng kết hoạt động giáo dục, hồ sơ kiểm tra, đánh giá giáo viên và nhân viên nhà trường một cách đầy đủ cụ thể.

Nhà trường đề ra các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

3. Điểm yếu:

Các hoạt động giáo dục còn quá dày, chồng chéo gây khó khăn cho các em khi tham gia các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Cần phát huy điểm mạnh về công tác tổ chức và quản lý trong nhà trường, chủ động và tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra đánh giá các hoạt động giáo dục.

Xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế, nguồn lực của nhà trường và của địa phương.

Lãnh đạo nhà trường chỉ đạo các bộ phận xây dựng kế hoạch phù hợp để tránh chồng chéo trong quá trình thực hiện.

5. Tự đánh giá:

| Mức 1 | | Mức 2 | |
|--------------|----------------|--------------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | * | Đạt |
| b | Đạt | - | - |

| | | | |
|------------|------------|------------|---|
| c | Đạt | - | - |
| Đạt | | Đạt | |

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng:

1.1. Mức 1:

- Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường:

+ Sổ biên bản hội đồng nhà trường [H1- 1.9- 01] (Lưu tại phòng Hiệu trưởng)

+ Nghị quyết hội nghị viên chức [H1- 1.9- 02]

+ Quy chế dân chủ của nhà trường [H1- 1.9- 03]

- Mọi hoạt động của nhà trường diễn ra đúng quy chế, kế hoạch. Tính đến thời điểm đánh giá không có khiếu nại, tố cáo, phản ánh.

- Hằng năm, nhà trường có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở:

- Báo cáo thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường [H1- 1.9- 04]. Báo cáo sơ kết tổng kết của công đoàn [H1- 1.9- 05]. Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học [H1- 1.9- 06]. Báo cáo của thanh tra nhân dân [H1- 1.9- 07].

1.2. Mức 2:

Hằng năm, Ban giám hiệu nhà trường và Công đoàn xây dựng quy chế phối hợp thực hiện, có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.[H1- 1.9- 02]*; [H1- 1.9- 03]*. Tăng cường nề nếp kỉ cương, kỉ luật trong hoạt động của cơ sở giáo dục, góp phần xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, lành mạnh, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo; phòng chống các hành vi tiêu cực, tham nhũng, lãng phí, quan liêu, cửa quyền. [H1- 1.9- 04]*, đồng thời hiệu trưởng nhà trường cũng đã ban hành quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động nhà trường.[H1- 1.9- 05]*. Có đầy đủ báo cáo sơ kết, tổng kết năm học [H1- 1.9- 06]*

Báo cáo của thanh tra nhân dân [H1- 1.9- 07] (Cụ thể: Trường đã thực hiện trên tinh thần nghị quyết Hội nghị CB, CC,VC đầu năm và các hình thức tuyên truyền để CB,GV,NV được bàn bạc tham gia ý kiến vào các chủ trương kế hoạch và nhiệm vụ của trường. Kết quả ý kiến đóng góp đã được xem xét, cân nhắc để Hiệu trưởng quyết định. Trong năm học qua, thông qua các đoàn thể, ban thanh tra nhân dân để giám sát hoạt động của trường, kết quả giám sát đều được lãnh đạo nhà trường tiếp thu nghiêm túc.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường xây dựng được các biện pháp hiệu quả để thực hiện các kế hoạch đề ra đồng thời phối hợp với các tổ chức, đoàn thể xây dựng cơ chế giám sát công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện;

Lưu trữ đầy đủ các biên bản, nghị quyết hội nghị, các báo cáo về quy chế dân chủ của nhà trường và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường;

Trong các biên bản, nghị quyết thể hiện rõ ý kiến đóng góp tích cực của cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường trong việc xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

Trong các báo cáo của nhà trường và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường thể hiện việc tiếp thu ý kiến xây dựng của tập thể, kịp thời bổ sung hợp lí để thực hiện đúng thời gian.

3. Điểm yếu:

Một vài nội dung trong kế hoạch chưa thật sự phù hợp với điều kiện của nhà trường và thời gian thực hiện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường cần có kế hoạch sát hợp, cụ thể theo từng giai đoạn thời gian và kịp thời điều chỉnh, bổ sung trong suốt quá trình thực hiện kế hoạch nhằm đạt chỉ tiêu đề ra.

| Mức 1 | | Mức 2 | |
|--------------|----------------|------------------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | * | Đạt |
| b | Đạt | - | - |
| c | Đạt | - | - |
| Đạt | | Đạt | |

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng,

chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng:

1.1. Mức 1:

- Hàng năm, nhà trường có xây dựng phương án, kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự. Vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh; an toàn phòng, chống cháy nổ. Vệ sinh an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai, an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích. Phòng, chống các tệ nạn xã hội và bạo lực học đường:

+ Văn bản phối hợp với cơ quan công an, y tế có nội dung liên quan [H1-1.10-01] (Đã lưu)

+ Kế hoạch phòng chống dịch bệnh và vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-02] (Đã lưu)

+ Kế hoạch an toàn phòng chống cháy nổ [H1-1.10-03] (Đã lưu)

+ Kế hoạch phòng chống thảm họa thiên tai [H1-1.10-04] (Đã lưu)

+ Bản cam kết phòng chống tệ nạn xã hội và bạo lực học đường [H1-1.10-05].

(Lưu tại phòng Đội)

- Có thùng thư góp ý, để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường [H1-1.10-06].

+ Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

+ Báo cáo sơ kết, tổng kết [H1-1.10-07]

+ Báo cáo Công đoàn [H1-1.10-08]

+ Báo cáo thực hiện qui chế dân chủ trong nhà trường[H1-1.10-09]

1.2. Mức 2:

- Hàng năm, nhà trường mời Công an phường, thành phố, Ủy ban Dân số, gia đình và trẻ em thành phố, y tế... về tuyên truyền cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường:

+ Văn bản phối hợp với cơ quan công an có nội dung liên quan [H1-1.10-01].

+ Kế hoạch phòng chống dịch bệnh và vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-02].

+ Kế hoạch an toàn phòng chống cháy nổ [H1-1.10-03]*

+ Kế hoạch phòng chống thảm họa thiên tai[H1-1.10-04]*

+ Bản cam kết phòng chống tệ nạn xã hội và bạo lực học đường [H1-1.10-05]

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn. Phối hợp chặt chẽ với phụ huynh để kịp thời giáo dục các em, mời phụ huynh những em thường xuyên vi phạm để làm việc [H1-1.10-10].

2. Điểm mạnh:

Xây dựng kế hoạch và phương án cụ thể và khả thi cho mỗi hoạt động đảm bảo an toàn cho CB, GV, NV và học sinh.

Phối hợp tốt với các ban ngành, đoàn thể ở địa phương và công an các cấp trong công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật cũng như việc đảm bảo an ninh trật tự trong nhà trường. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong nhà trường tốt; đảm bảo an toàn cho CBGV, NV và học sinh. Trong suốt nhiều năm qua nhà trường không xảy ra hiện tượng cháy nổ, vi phạm về giới, không có các tệ nạn xã hội xảy ra.

3. Điểm yếu:

Công tác theo dõi, tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho học sinh đôi lúc còn chưa kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục đạo đức trong học sinh trong các tiết chào cờ đầu tuần và các buổi hoạt động ngoại khóa.

Tăng cường vai trò, trách nhiệm của BGH và đội ngũ giáo viên, nhất là GVCN trong việc theo dõi, giám sát các hoạt động của học sinh.

Phối hợp tốt với các ban ngành, đoàn thể ở địa phương và công an các cấp trong công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật cho học sinh cũng như việc đảm bảo an ninh trật tự trong và ngoài nhà trường .

5. Tự đánh giá:

| Mức 1 | | Mức 2 | |
|------------|----------------|---------------------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | a | Đạt |
| b | Đạt | b | Đạt |
| c | Đạt | - | - |
| Đạt | | Đạt | |

Kết quả: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Nhà trường đã xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp mục tiêu giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường đồng thời, xác định rõ phương hướng được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt; đảm bảo theo trình tự, đảm bảo tính pháp lý và được công bố công khai nhằm tìm kiếm sự đồng thuận của Cán bộ, giáo viên và cộng đồng để hoàn thành sứ mệnh của nhà trường theo từng năm học.

Các tổ chức Hội đồng trường, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường được thành lập theo đúng quy định và hoạt động có hiệu quả. Hàng năm biên chế lớp học, học sinh theo quy định; quan tâm tới công tác bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo. Thực hiện các chế độ theo quy định. Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Hàng năm nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường; việc đánh giá, rà soát, điều chỉnh kịp thời.

Trường triển khai thực hiện có hiệu quả quy chế dân chủ cơ sở, đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường.

- Số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu:

+ Mức 1 đạt: 9/10 tiêu chí; tỉ lệ: 90 %

+ Mức 2 đạt: 9/10 tiêu chí; tỉ lệ: 90%

+ Mức 3 đạt: 3/5 tiêu chí; tỉ lệ: 60%

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:

+ Mức 1 không đạt: 1/10 tiêu chí; tỉ lệ: 10%

+ Mức 2 không đạt: 1/10 tiêu chí; tỉ lệ: 10%

+ Mức 3 không đạt: 2/5 tiêu chí; tỉ lệ: 40%

- Tự đánh giá tiêu chuẩn: Không đạt mức 1

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh của nhà trường đã có nhiều cố gắng, nỗ lực phấn đấu vươn lên, đạt các tiêu chuẩn cần thiết theo quy định trong Điều lệ trường trung học và các quy định khác của Bộ GD&ĐT. Đây là nhân tố cơ bản, quyết định chất lượng giáo dục và sự phát triển của nhà trường.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tin nhiệm.

Mức 3

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

- Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng đều đạt chuẩn đào tạo đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều lệ trường THCS về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cũng như trong công tác quản lý giáo dục. Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng đã có nhiều năm công tác, có kinh nghiệm và năng lực quản lý [H2-2.1-03]; [H2-2.1-06]. Tuy nhiên hiện nay trường THCS Nguyễn Nghiêm là trường hạng I nên còn thiếu 01 phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn.

- Trong 5 năm gần đây thực hiện đánh giá Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng theo quy định chuẩn Hiệu trưởng trường THCS, đều xếp loại từ khá trở lên nhiều năm liên tục đạt danh hiệu CSTĐ cấp cơ sở và được nhận giấy khen của ngành, của Công đoàn, được thể hiện qua hồ sơ thi đua [H2-2.1-02]; [H2-2.1-05]; [H2-2.1-08]

- Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng đều đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, CBQL đều có chứng chỉ trung cấp lý luận chính trị và đều qua lớp bồi dưỡng về quản lý giáo dục [H2-2.1-03]; [H2-2.1-06]; [H2-2.1-07]; [H2-2.1-09]

1.2. Mức 2:

- Trong 05 năm liên tiếp, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng nhà trường luôn tích cực, nhiệt tình, có trách nhiệm cao, năng động, sáng tạo trong quá trình triển khai các

hoạt động giáo dục đều được đánh giá và xếp loại khá trở lên theo quy định chuẩn hiệu trưởng [H2-2.1-02]; [H2-2.1-05]

- Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định, được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm [H2-2.1-01]; [H2-2.1-04]; [H2-2.1-07]; [H2-2.1-09]; [H2-2.1-08]

1.3. Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá, trong đó năm học 2021-2022 Hiệu trưởng được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt [H2-2.1-02]; [H2-2.1-05].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng hội tụ đủ các điều kiện về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn nghiệp vụ và sức khỏe để đáp ứng nhiệm vụ và yêu cầu đổi mới quản lý giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

3. Điểm yếu

Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng còn hạn chế về năng lực ngoại ngữ.

Hiện nay trường THCS Nguyễn Nghiêm còn thiếu 01 phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Kế hoạch cải tiến chất lượng bao gồm:

- CBQL tiếp tục phát huy những điểm mạnh đã đạt được, không ngừng học hỏi, tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt tham gia các lớp học ngoại ngữ để nâng cao năng lực ngoại ngữ đặc biệt là Tiếng Anh.

- CBQL tiếp tục phấn đấu và phát huy trong những năm tiếp đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

- Làm tốt công tác tham mưu để cấp trên bổ nhiệm 01 phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn trong thời gian sớm nhất.

5. Tự đánh giá:

| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
|------------|----------------|------------------|----------------|------------------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | a | Đạt | * | Đạt |
| b | Đạt | b | Đạt | - | - |
| c | Đạt | - | - | - | - |
| Đạt | | Đạt | | Đạt | |

Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

1.1 Mức 1:

- Nhà trường chưa có đủ số lượng cơ cấu giáo viên theo quy định tại thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2018 về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và các quy định khác. (Danh sách giáo viên có thông tin về trình độ đào tạo) [H2-2.2-01]

- Hiện nay 95% giáo viên đã đạt chuẩn trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục 2019 (Danh sách giáo viên đạt chuẩn về đào tạo của nhà trường) [H2-2.2-02]

- Tính đến thời điểm đánh giá hằng năm nhà trường có 100 % giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên (Bảng tổng hợp kết quả đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên hằng năm) [H2-2.2-03] ; Báo cáo sơ kết, tổng kết của nhà trường, công đoàn. [H2-2.2-04]

1.2. Mức 2:

- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá *tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp, hiện nay có 03/60 giáo viên có trình độ đào tạo trên chuẩn (trình độ thạc sĩ) [H2-2.2-02].*

- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có 100 % giáo viên của trường đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên, *trong đó hằng năm có khoản trên 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên [H2-2.2-03].*

- Kết quả nghiên cứu khoa học dành cho học sinh trung học được cấp có thẩm quyền công nhận trong 5 năm là 17 sản phẩm. [H2-2.2-0.5].

1.3. Mức 3:

- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có trên 50% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt. [H2-2.2-03]*;

- Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên không có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học. [H2-2.2-05]* . (Có 31 đề tài SKKN được cấp có thẩm quyền công nhận).

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có số lượng giáo viên theo cơ cấu các môn học tương đối đảm bảo, trình độ đào tạo đều đạt chuẩn và trên chuẩn.

- Giáo viên chuyên tâm công tác, có tinh thần trách nhiệm, kỉ luật cao. Đội ngũ giáo viên đa phần tuổi còn trẻ năng nổ nhiệt tình với công việc.

- Ban giám hiệu nhà trường đã có sự điều phối công việc phù hợp với năng lực, sở trường của giáo viên giúp giáo viên phát huy được năng lực bản thân qua đó cống hiến được nhiều hơn cho sự nghiệp.

- Cùng với nhà trường công đoàn trường có sự quan tâm sâu sát đến hoàn cảnh công đoàn viên, thăm hỏi hiếu hỉ kịp thời tạo nên tập thể đoàn kết vững mạnh, giúp công đoàn viên an tâm công tác.

- Nhà trường tạo mọi điều kiện cơ sở vật chất dạy học, trang thiết bị giảng dạy, tài liệu tham khảo giúp giáo viên có được những tiết dạy có chất lượng

3. Điểm yếu

- Trong các năm học, nhiều giáo viên nghỉ hưu theo chế độ, nghỉ hưu theo công văn 108, nghỉ hộ sản, nghỉ ốm dẫn đến thiếu giáo viên cục bộ, nên việc phân công chuyên môn không ổn định, hiện nay trường thiếu 01 giáo viên Lý, thiếu 01 phó hiệu trưởng.

- Số giáo viên tham gia viết báo cáo nghiên cứu khoa học còn ít.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Tạo điều kiện cho giáo viên tham gia học tập nâng cao trình độ.

- Giáo viên tiếp tục không ngừng học hỏi và phấn đấu trong những năm tiếp theo đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt.

- Tích cực tham mưu cấp trên để biên chế đủ GV.

5. Tự đánh giá

| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
|------------------|------------------|------------------|----------------|------------------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a | Không đạt | a | Đạt | a | Đạt |
| b | Không đạt | b | Đạt | b | Đạt |
| c | Đạt | c | Đạt | - | - |
| Không đạt | | Đạt | | Đạt | |

Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

- Nhà trường có số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định; Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm. Song nhân viên bảo vệ, nhân viên thư viện của trường đều hợp đồng theo năm học, nhân viên thiết bị - CNTT phải phân công giáo viên kiêm nhiệm nên khó khăn cho nhà trường trong việc phân công nhiệm vụ vào đầu mỗi năm học [H2-2.3-01]. (Danh sách viên chức làm công tác hợp đồng với trường học và các vị trí kiêm nhiệm khác của nhà trường hằng năm)

- Nhân viên nhà trường được phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế của mỗi người.[H2-2.3-02]; (Danh sách nhân viên của trường có thông tin về trình độ đào tạo)

- Nhân viên nhà trường hoàn thành các nhiệm vụ được giao, được đảm bảo các chế độ, chính sách theo quy định [H2-2.3-03];

1.2. Mức 2

- Số lượng và cơ cấu nhân viên của nhà trường đảm bảo theo quy định [H2-2.3-01]*;

- Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên .[H2-2.3-03]*;

1.3 Mức 3

- Nhân viên kế toán, văn thư, y tế, thư viện có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên theo chuyên môn phù hợp vị trí việc làm và có chứng chỉ bồi dưỡng do cơ quan có thẩm quyền cấp [H2-2.3-01]*

- Hằng năm nhân viên được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo vị trí được phân công. [H2-2.3-02]*

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ nhân viên theo quy định thông qua hợp đồng, trình độ đều đạt từ trung cấp trở lên; có tinh thần trách nhiệm trong công tác, hàng năm đều hoàn thành nhiệm vụ được giao; được đảm bảo về chế độ chính sách theo quy định.

3. Điểm yếu

Do thiếu nhân viên Thư viện nên nhà trường phải hợp đồng, vậy nên tính ổn định của nhân viên hợp đồng làm việc không được duy trì.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tích cực tham mưu với phòng giáo dục, cơ quan nội vụ biên chế nhân sự phó hiệu trưởng và nhân viên thư viện

5. Tự đánh giá

| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
|------------|----------------|------------------|----------------|------------------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | a | Đạt | a | Đạt |
| b | Đạt | b | Đạt | b | Đạt |
| c | Đạt | - | - | - | - |
| Đạt | | Đạt | | Đạt | |

Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1

a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;

b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;

c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1:

- Hằng năm, nhà trường tổ chức tuyển sinh đầu cấp học đúng độ tuổi theo quy định Điều lệ trường trung học. Năm học 2021-2022 trường có tổng số học sinh: 1427, chia thành 31 lớp.

Trong đó: Khối 6: 7 lớp (257 HS)

Khối 7: 8 lớp (389 HS)

Khối 8: 8 lớp (393 HS)

Khối 9: 8 lớp (388 HS)

Số học sinh của trường đều đảm bảo quy định về tuổi của học sinh theo Điều lệ trường trung học [H2-2.4-01]; [H2-2.4-02]

- Công tác tổ chức, dạy và học trong nhà trường được thực hiện nghiêm túc. Tổ chức thi Khoa học kỹ thuật cấp trường, bồi dưỡng và thi học sinh giỏi cấp trường đạt nhiều kết quả cao. Trong từng năm học, vào cuối mỗi học kỳ, nhà trường có số liệu thống kê đầy đủ kết quả xếp loại hạnh kiểm, học lực của từng lớp và toàn trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H2-2.4-03]; [H2-2.4-04].

- Học sinh được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 39 của Điều lệ trường trung học và các quy định khác của pháp luật. Nhà trường đã thực hiện quy trình đánh giá xếp loại hạnh kiểm của học sinh trong từng học kỳ và cả năm học theo quy định của Bộ GD&ĐT [H2-2.4-02]; [H2-2.4-04].

1.2. Mức 2

Hằng năm, học sinh của nhà trường thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của học sinh và quy định về các hành vi học sinh không được làm. Năm học 2021-2022 kết quả rèn luyện của học sinh khối 6 Tốt, khá đạt 100%, hạnh kiểm học sinh khối 7,8,9 Tốt, khá đạt 99,4%. [H2-2.4-03]

1.3. Mức 3

Là trường luôn đứng đầu, có nhiều học sinh đạt thành tích cao trong học tập, rèn luyện như đạt giải trong các hội thi học sinh giỏi cấp thành phố, tỉnh, đạt giải cao trong các cuộc thi Khoa học kỹ thuật, khởi nghiệp và các hội thi về TĐTT, giải thưởng mỹ thuật có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường. [H2-2.4-03] , [H2-2.4-04]

2. Điểm mạnh

- Thực hiện đầy đủ các quyền lợi và nhiệm vụ của học sinh theo đúng quy định.

- Trường có số học sinh được xếp loại rèn luyện; hạnh kiểm tốt, khá đạt trên 99%. Chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường luôn ổn định và đạt ở mức cao (

học sinh giỏi các cấp, đạt giải các cuộc thi Khoa học kỹ thuật, khởi nghiệp, giải thưởng mỹ thuật,...).

- Cán bộ giáo viên của trường thực hiện nghiêm túc, công bằng, khách quan việc công khai kết quả học tập của học sinh.

- Sử dụng các phần mềm Microsoft Team, Azota giúp CBGV thực hiện tốt công tác dạy học, kiểm tra đánh giá trong giai đoạn dạy học trực tuyến, phần mềm giúp CBGV xếp loại học lực học sinh nhanh gọn và chính xác.

- Có đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên có trình độ, nhiệt tình, tâm huyết với nghề, có trách nhiệm; thường xuyên tham gia bồi dưỡng đội tuyển dự thi học sinh giỏi cấp trường, cấp Thành phố.

3. Điểm yếu

Một bộ phận nhỏ học sinh hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố mẹ đi làm ăn xa ở với ông bà nên ý thức học tập và rèn luyện chưa cao, cộng thêm vào đó là sự quan tâm của phụ huynh còn chưa đúng mức nên một số học sinh còn lười học, chán học chưa thực sự chủ động, sáng tạo trong học tập.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

- Tiếp tục duy trì hoạt động giáo dục đạo đức của học sinh trong nhà trường.
- Tổ chức các chuyên đề về bồi dưỡng học sinh giỏi, giúp đỡ học sinh yếu vào đầu năm học để nâng cao hiệu quả công tác giáo dục

- Tiếp tục tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục về các hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi và giúp đỡ học sinh yếu về học lực để chất lượng giáo dục các mặt ngày càng được nâng cao.

- Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục. Kết hợp với các tổ chức trong và ngoài nhà trường, đặc biệt là Ban đại diện cha mẹ học sinh để giúp học sinh thực hiện tốt nội quy, quy định của nhà trường.

5. Tự đánh giá

| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
|------------|----------------|------------------|----------------|------------------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | * | Đạt | * | Đạt |
| b | Đạt | - | - | - | - |
| c | Đạt | - | - | - | - |
| Đạt | | Đạt | | Đạt | |

Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

- Điểm mạnh: Nhà trường cơ bản đảm bảo tốt cơ cấu, số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo quy định Điều lệ trường trung học; nhà

trường thực hiện đầy đủ các quy định về độ tuổi học sinh trung học cơ sở, giáo dục toàn diện cho học sinh và đảm bảo các quyền của học sinh.

- Điểm yếu: Năng lực sử dụng tiếng Anh của cán bộ quản lý còn hạn chế. Tiếp tục tích cực tham mưu với Phòng GD&ĐT, phòng nội vụ để biên chế đủ số lượng nhân viên, giáo viên.

- Số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu:

+ Mức 1 đạt: 3/4 tiêu chí; tỉ lệ: 75%

+ Mức 2 đạt: 4/4 tiêu chí; tỉ lệ: 100%

+ Mức 3 đạt: 4/4 tiêu chí; tỉ lệ: 100%

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:

+ Mức 1 không đạt: 01 tiêu chí; tỉ lệ: 25%

+ Mức 2 không đạt: 0 tiêu chí; tỉ lệ: 0%

+ Mức 3 không đạt: 0 tiêu chí; tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá: Không đạt mức độ 1

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học là một điều kiện quan trọng đảm bảo cho nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ giáo dục. Cơ sở vật chất trang thiết bị dạy học tốt sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các thầy cô giáo trong giảng dạy, giúp các em học sinh có điều kiện học tập tốt, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Những năm qua, nhà trường đã tích cực phát triển và cố gắng quản lý tốt cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất $6m^2$ /học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất $10m^2$ /học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

Khuôn viên của nhà trường có diện tích $5.631 m^2$, luôn xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục. [H3-3.1-01];[H3-3.1-03];[H3-3.1-04]

Khuôn viên trường được xây dựng tường rào xung quanh, có cổng trường và biển tên trường đẹp.

Sân chơi, bãi tập có đủ các thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

1.2. Mức 2

Khu sân chơi, bãi tập có diện tích 3501,28m² (chiếm 62,17% tổng diện tích sử dụng của trường).

Trường có khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tối thiểu để tổ chức các hoạt động giáo dục. [H3-3.1-04];

1.3 Mức 3

Diện tích sân chơi, bãi tập không đảm bảo diện tích 6m²/học sinh.

Khu sân chơi, bãi tập của học sinh chưa được xây dựng kiên cố nên việc tổ chức các hoạt động giáo dục vào mùa mưa gặp nhiều khó khăn. [H3-3.1-05];

2. Điểm mạnh

Trường có vị trí riêng biệt, đảm bảo an toàn, trật tự. Sân trường trồng nhiều cây xanh, có cây xanh bóng mát, đảm bảo mỹ quan và vệ sinh môi trường. Trường có hàng rào bao quanh, có cổng trường và biển trường khang trang.

3. Điểm yếu

Diện tích sân chơi bãi tập chưa đảm bảo theo quy định, chưa được xây dựng kiên cố, một số thiết bị chưa đủ chuẩn theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục tham mưu cho các cấp có thẩm quyền, đồng thời sử dụng nguồn ngân sách được cấp để kiên cố hóa và mở rộng diện tích khu sân chơi bãi tập trong thời gian đến.

5. Tự đánh giá

| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
|------------|----------------|------------------|----------------|------------------|------------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | * | Đạt | * | Không đạt |
| b | Đạt | — | — | — | — |
| c | Đạt | - | - | — | — |
| Đạt | | Đạt | | Không đạt | |

Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập

Mức 1

a. Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày.

b. Có đủ phòng học bộ môn theo quy định.

c. Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2

a. Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh.

b. Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1:

- Phòng học của nhà trường có 17 phòng cho 31 lớp mỗi phòng học có 25 bộ bàn ghế, mỗi bộ bàn ghế 2 chỗ ngồi, đảm bảo đủ số lượng và phù hợp với tầm vóc học sinh. Phòng học đủ diện tích theo quy định. [H3-3.2-01]. Mỗi phòng học có 01 bộ bàn ghế của giáo viên, 01 bảng viết, 01 tivi 55 in có hệ thống ánh sáng, hệ thống quạt đảm bảo đủ để thực hiện các hoạt động giáo dục [H3-3.2-02]. Với điều kiện cơ sở vật chất hiện có, đảm bảo cho nhà trường thực hiện dạy hai ca trên ngày. [H3-3.2-03].

- Trường có đủ các phòng học bộ môn: Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học. Tuy nhiên, chưa có phòng nghe nhìn phục vụ cho bộ môn Tiếng Anh chưa bố trí được phòng kho để chứa các thiết bị hư hỏng.

- Nhà trường có 01 phòng dành riêng hoạt động Đoàn - Đội 01 phòng thư viện, 01 phòng truyền thống, 01 phòng đa năng.

1.2. Mức 2:

- Trường có 03 phòng thí nghiệm thực hành đảm bảo theo qui định.

- Khôi phục vụ học tập của nhà trường hiện nay chưa đáp ứng được các yêu cầu của hoạt động dạy trong nhà trường. Thiếu phòng bộ môn Tiếng Anh.

1.3. Mức 3:

- Nhà trường có phòng học, phòng học bộ môn có các thiết bị dạy học theo danh mục tối thiểu, tuy nhiên thiết bị dạy học được cấp từ năm 2002 đến nay đã xuống cấp và một số dụng cụ thí nghiệm không chính xác. [H3-3.2-01].

2. Điểm mạnh

- Có đủ các phòng học, phòng học bộ môn phục vụ cho việc giảng dạy và học tập cho HS theo yêu cầu hiện nay; hệ thống ánh sáng, quạt trong từng phòng học đúng chuẩn.

- Hàng năm đơn vị dùng kinh phí chi thường xuyên để mua bổ sung và sửa chữa các trang thiết bị phục vụ nhu cầu thiết yếu cho việc dạy học. Hệ thống công nghệ thông tin kết nối internet và website của nhà trường đáp ứng yêu cầu dạy, học và quản lý nhà trường.

3. Điểm yếu

- Phòng học bộ môn không đủ diện tích và trang thiết bị theo qui định; thiếu phòng chức năng, thiếu trang thiết bị dạy học bộ môn Tiếng Anh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Xây dựng kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế một số bàn ghế học sinh đảm bảo cho hoạt động dạy học.

- Ban lãnh đạo nhà trường chỉ đạo phụ trách thiết bị, tăng cường công tác kiểm tra và bảo trì định kỳ cơ sở vật chất trong nhà trường nhằm đảm bảo phục vụ tốt cho các hoạt động học tập, giảng dạy.

- Sắp xếp, bố trí một phòng kho hợp lý để cất giữ các thiết bị, thanh lý những thiết bị đã hỏng.

- Tham mưu với PGD&ĐT để trang bị phòng nghe nhìn phục vụ cho bộ môn tiếng Anh và phòng học trực tuyến để nâng cao hiệu quả giáo dục của nhà trường.

5. Tự đánh giá

| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
|------------|---------------|------------------|---------------|------------------|------------------|
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/Không đạt |
| a | Đạt | a | - | * | Không đạt |
| b | Đạt | b | - | - | - |
| c | Đạt | - | Đạt | - | - |
| Đạt | | Đạt | | Không đạt | |

Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí: 3.3 Khối hành chính - quản trị

Mức 1

a) *Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường.*

b) *Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.*

c) *Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.*

Mức 2

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

Khu hành chính của Nhà trường đảm bảo yêu cầu tối thiểu cho các hoạt động hành chính - hành chính của nhà trường. Khu hành chính bao gồm 01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng Phó hiệu trưởng, 01 Thư viện, 01 Kế toán, 01 phòng Công Đoàn, 01 phòng họp, 02 phòng đợi của giáo viên và 01 phòng Đoàn - Đội. 01 phòng y tế học đường. 01 phòng bảo vệ, 01 phòng truyền thống [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02]; [H3-3.2-03]; H3-3.3-01];

Toàn trường có 03 khu để xe, trong đó 01 khu để xe cho giáo viên, 02 nhà để xe cho học sinh, các khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

Hàng năm nhà trường đều có kế hoạch tu sửa, bổ sung các thiết bị cho khối hành chính – quản trị.

1.2. Mức 2

Khối hành chính - quản trị theo quy định, đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

1.3. Mức 3

Khối hành chính - quản trị nhà trường chưa đủ các thiết bị hỗ trợ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường. Thiếu các phòng làm việc các tổ bộ môn, thiếu phòng đa chức năng thiếu máy tính, máy chiếu cho các tổ bộ môn, phòng chức năng không đảm bảo theo chuẩn (do diện tích không đủ) để tổ chức các hoạt động giáo dục. [H3-3.2-03]; [H3-3.2-01]

2. Điểm mạnh:

Phòng làm việc, phòng chức năng khối hành chính được bố trí hợp lý đảm bảo cảnh quan khuôn viên nhà trường khang trang. Thiết bị văn phòng đủ phục vụ cho công tác quản lý và hoạt động dạy và học.

3. Điểm yếu

Khối hành chính còn thiếu phòng sinh hoạt tổ bộ môn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường lập kế hoạch xin kinh phí cấp trên và bố trí nguồn ngân sách thường xuyên để hoàn thiện cơ sở vật chất cho khối hành chính.

5. Tự đánh giá

| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
|--------------|----------------|------------------|----------------|------------------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | - | - | - | - |
| b | Đạt | - | - | - | - |

| | | | | | |
|------------|------------|------------|------------|------------------|------------------|
| c | Đạt | * | Đạt | * | Không đạt |
| Đạt | | Đạt | | Không đạt | |

Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường, khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập.

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường, hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a. Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định

b. Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo và Bộ Y tế

1. Mô tả hiện trạng:

1.1. Mức 1:

Có khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường [H3-3.4-01]

Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường, hệ thống cấp nước sinh hoạt [H3-3.4-02]

Có hợp đồng nước uống Thạch Bích đảo bảo nước uống cho giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.4-03]

Học sinh lao động dọn vệ sinh hàng ngày, có thùng đựng và phân loại rác được bố trí hợp lý trong sân trường. [H3-3.4-04]

Đơn vị hợp đồng với công ty cổ phần môi trường đô thị Quảng Ngãi để thu gom rác thải đảm bảo môi trường xanh-sạch-đẹp, góp phần xây dựng môi trường sư phạm [H3-3.4-05]

1.2. Mức 2:

Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định

Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ y tế

2. Điểm mạnh:

Hệ thống các nhà vệ sinh được xây dựng kiên cố, có sự quy hoạch bố trí phù hợp với môi trường sư phạm. Ý thức giữ gìn vệ sinh chung tốt, các khu vệ sinh sạch

sẽ. Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đảm bảo. Hệ thống nước cung cấp cho nhà vệ sinh được ưu tiên hàng đầu.

3. Điểm yếu:

Hệ thống nước nhà vệ sinh lên độ cao vẫn còn yếu, đặc biệt dãy phòng thực hành.

Hệ thống thoát nước xử lý chưa tốt, mùa nắng nóng bị bốc mùi hôi.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Bố trí kinh phí thường xuyên để tu bổ, sửa chữa nâng cấp hệ thống thoát nước để đảm bảo nước được thoát nhanh, tránh tình trạng bốc mùi trong mùa nắng nóng, đảm bảo vệ sinh chung.

5. Tự đánh giá

| Mức 1 | | Mức 2 | |
|------------|----------------|------------------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | * | Đạt |
| b | Đạt | - | |
| c | Đạt | - | |
| Đạt | | Đạt | |

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hàng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hàng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1:

- Nhà trường có đủ các thiết bị tối thiểu phục vụ cho công tác văn phòng và các thiết bị khác phục vụ cho các hoạt động giáo dục.

- Nhà trường có đủ thiết bị, đồ dùng dạy học theo qui định tối thiểu phục vụ dạy và học cho mỗi khối lớp. Các thiết bị dạy học được bố trí và sắp xếp ở phòng thiết bị dùng chung bên cạnh các phòng học bộ môn thuận tiện cho giáo viên tổ chức các tiết học.

- Hằng năm, nhà trường có kế hoạch chỉ đạo các tổ bộ môn kiểm kê, rà soát về số lượng và chất lượng nhằm đánh giá công tác quản lý đồ dùng dạy học cũng như chất lượng các thiết bị được cấp, đồng thời đề xuất phương án sửa chữa các thiết bị hư hỏng. Qua kiểm kê nhà trường tiến hành mua bổ sung các thiết bị, đồ dùng còn thiếu [H3-3.5-03]; [H3-3.5-04].

1.2 Mức 2:

- Nhà trường có hệ thống máy tính được kết nối Internet đủ phục vụ cho công tác quản lý và phục vụ cho hoạt động dạy học: Nhà trường có 05 bộ máy tính phục vụ công tác quản lý và 50 bộ máy tính, 07 đèn chiếu phục vụ cho hoạt động dạy học [H3-3.5-05]; [H3-3.5-06].

- Nhà trường có đủ thiết bị dạy học theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo, nhưng chất lượng các thiết bị dạy học còn hạn chế [H3-3.5-01]* .

- Hằng năm, nhà trường đều có kế hoạch mua sắm bổ sung thiết bị dạy học; qua các hội thi đồ dùng dạy học, khoa học kỹ thuật giáo viên tự làm và bổ sung thiết bị. Tuy nhiên số lượng còn ít chưa đều ở các bộ môn [H3-3.5-07]; [H3-3.5-02]*.

1.3. Mức 3:

- Trong quá trình sử dụng một số đồ dùng, thiết bị dạy học xuống cấp nên độ chính xác không cao. Thiết bị, đồ dùng dạy học được khai thác, nhưng một số thiết bị dạy học chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.

2. Điểm mạnh

- Trường đã trang bị đủ thiết bị và đồ dùng dạy học đảm bảo theo quy định ở mức tối thiểu.

- Ban giám hiệu nhà trường luôn quan tâm và chỉ đạo giáo viên sử dụng thiết bị dạy học hợp lý. Giáo viên phụ trách phòng bộ môn, phòng thiết bị dùng chung có đủ hồ sơ mượn trả theo quy định. Giáo viên trong trường đều sử dụng thiết bị dạy học và thực hiện thí nghiệm đầy đủ theo nội dung, yêu cầu quy định trong chương trình môn học.

3. Điểm yếu

- Thiết bị dạy học đã đưa vào sử dụng từ năm 2002 đến nay đã quá cũ, nhiều chủng loại chất lượng kém, bị hư hỏng nhiều.

- Có làm thiết bị dạy học mới nhưng chỉ được thực hiện qua các hội thi đồ dùng dạy học, giáo viên dạy giỏi, khoa học kỹ thuật, số lượng còn ít, chưa đều ở các bộ môn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Lập tờ trình xin kinh phí mua sắm thiết bị dạy học, máy tính mới thay thế cho các thiết bị cũ nhằm đáp ứng chương trình giáo dục mới từ năm 2021.

- Ban giám hiệu, tổ trưởng chuyên môn thường xuyên kiểm tra việc sử dụng thiết bị dạy học của giáo viên [H3-3.5-08].

5. Tự đánh giá

| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
|------------|----------------|------------|----------------|------------------|------------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | a | Đạt | * | Không đạt |
| b | Đạt | b | Đạt | – | – |
| c | Đạt | c | Đạt | – | – |
| Đạt | | Đạt | | Không đạt | |

Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a. Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b. Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c. Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng:

1.1 Mức 1:

- Hằng năm, thư viện trường được trang bị, bổ sung sách, báo và tài liệu tham khảo, băng đĩa... đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, học tập của CBGV và HS [H3-3.6-01].

- Hoạt động của thư viện có nội quy, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, dạy học của

cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Thư viện mở cửa phục vụ nhu cầu nghiên cứu, dạy học của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh thường xuyên, đúng quy định. Hoạt động mượn và trả sách thực hiện đúng nội quy thư viện; có sổ theo dõi mượn sách, báo, tài liệu của giáo viên và nhân viên và sổ kế hoạch từng năm. [H3-3.6-01].

- Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo [H3-3.6-01]

1.2 Mức 2:

- Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn (trở lên) [H3-3.6-02].

1.3. Mức 3:

- Thư viện của nhà trường chưa đạt Thư viện trường học tiên tiến. Có 08 máy tính đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của CBQL, giáo viên, nhân viên và học sinh.

2. Điểm mạnh

- Thư viện nhà trường đạt thư viện trường học đạt chuẩn theo Quy định của Bộ Giáo dục Đào tạo, hàng năm được bổ sung sách giáo khoa, sách tham khảo.

- Cơ sở vật chất và hoạt động của thư viện đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, dạy học của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

3. Điểm yếu

- Hệ thống sách, báo, tài liệu trong thư viện chưa phong phú.

- Chưa trang bị phần mềm phục vụ truy cập thông tin cho giáo viên và học sinh.

- Thư viện nhà trường hiện nay không có nhân viên chuyên trách

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ thư viện.

- Đề xuất với UBND phường và Phòng giáo dục tích cực tìm nguồn vốn để bổ sung sách, báo, tài liệu tham khảo cho giáo viên và học sinh.

- Lắp đặt hệ thống máy vi tính và trang bị phần mềm phục vụ truy cập thông tin cho giáo viên và học sinh.

- Mua máy tính có kết nối Internet phục vụ tốt cho công tác quản lý, giảng dạy của cán bộ giáo viên và học tập của học sinh

5. Tự đánh giá:

| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
|--------------|----------------|------------------|----------------|------------------|------------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | a | Đạt | * | Không đạt |
| b | Đạt | b | Đạt | - | - |

| | | | | | |
|------------|------------|------------|------------|------------------|---|
| c | Đạt | c | Đạt | - | - |
| Đạt | | Đạt | | Không đạt | |

Kết quả: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Công tác quản lý cơ sở vật chất của nhà trường thực hiện đúng quy định, đảm bảo sử dụng đúng mục đích. Mỗi học kỳ và cuối năm học có tổ chức kiểm kê tài sản. Các phòng học của nhà trường bố trí hợp lý, cảnh quan sạch đẹp. Tuy nhiên nhà trường còn thiếu diện tích đất nên chưa bố trí các sân tập thể dục riêng cho từng môn hoặc sân thể thao tập trung cho học sinh và các hoạt động khác....Ngoài ra thiết bị dạy học đã đưa vào sử dụng từ năm 2002 đến nay đã quá cũ, nhiều chủng loại chất lượng kém, bị hư hỏng nhiều, chưa đáp ứng tốt cho vấn đề dạy và học. Bên cạnh đó từ năm 2018 đến nay trường thiếu nhân viên Thư viện, nhân viên phụ trách phòng thiết bị của nhà trường nên rất khó khăn trong công tác quản lý của nhà trường.

- Số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu:

+ Mức 1 đạt: 6/6 tiêu chí; tỉ lệ: 100%

+ Mức 2 đạt: 6/6 tiêu chí; tỉ lệ: 100%

+ Mức 3 đạt: 0/5 tiêu chí; tỉ lệ: 0%

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:

+ Mức 1 không đạt: 0 tiêu chí

+ Mức 2 không đạt: 0 tiêu chí

+ Mức 3 không đạt: 5/5 tiêu chí

- Tự đánh giá tiêu chuẩn: Đạt mức 2

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu: Xây dựng tốt mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội là góp phần rất lớn trong việc giáo dục học sinh cả về mặt tri thức lẫn đạo đức. Việc phối hợp nhịp nhàng giữa nhà trường và Ban Đại diện Cha mẹ học sinh đã và đang được phát huy hiệu quả trong các hoạt động của nhà trường, nhất là trong công tác vận động xã hội hóa hỗ trợ cơ sở vật chất phục vụ dạy và học. Ngoài ra, mối quan hệ giữa nhà trường với nhân dân và chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể đóng trên địa bàn ngày càng phát triển. Đó là những yếu tố quan trọng góp phần vào thành tích chung của nhà trường trong nhiều năm qua.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a. Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b. Có kế hoạch hoạt động, báo cáo tổng kết hoạt động theo năm học;

c. Tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất giữa nhà trường với cha mẹ học sinh, Ban Đại diện cha mẹ học sinh để tiếp thu ý kiến về công tác quản lý của nhà trường.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

- Ban đại diện cha mẹ học sinh (CMHS) của nhà trường hằng năm được thành lập theo đúng Điều lệ, Ban đại diện CMHS của trường có 9 thành viên là trưởng, phó ban đại diện CMHS các lớp được bầu công khai tại cuộc họp trường, phó ban đại diện CMHS các lớp đầu năm học (có thể hiện thông qua trong biên bản hội phụ huynh học sinh của nhà trường). Ban đại diện CMHS trường phối hợp chặt chẽ với Ban giám hiệu xây dựng và triển khai nghị quyết của Ban đại diện CMHS trường đến Ban đại diện CMHS các lớp vào đầu năm học [H4-4.1-01].

- Ban đại diện CMHS trường có kế hoạch hoạt động, báo cáo tổng kết hoạt động và xây dựng phương hướng nhiệm vụ cụ thể cho từng năm. Cuối năm học có báo cáo công khai quyết toán thu chi của Ban đại diện cha mẹ học sinh từng năm học [H4-4.1-02].

- Thực hiện Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ GD&ĐT hằng năm nhà trường tổ chức họp phụ huynh của các lớp 3lần/năm, nhà trường và Ban Đại diện CMHS trường tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quy định 2 lần/năm và tổ chức họp đột xuất giữa nhà trường với cha mẹ học sinh khi cần [H4-4.1-03].

1.2. Mức 2

- Trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ các năm học, nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian, địa điểm để Ban đại diện CMHS hoạt động. Giữa Ban đại diện CMHS và nhà trường có quy chế phối hợp hoạt động cụ thể nhằm phát huy tốt vai trò, chức năng phối hợp cùng nhà trường trong mọi hoạt động, thực hiện tốt nghị quyết đầu năm học; Xây dựng kế hoạch, có báo cáo, biên bản vận động học sinh ra lớp; [H4-4.1-04].

1.3. Mức 3

- Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

- Kế hoạch hoạt động đã được thảo luận, thống nhất trong các cuộc họp cha mẹ học sinh, Ban đại diện cha mẹ học sinh.

2. Điểm mạnh:

- Ban đại diện CMHS của nhà trường hoạt động đúng chức năng, thực hiện đúng quyền và trách nhiệm của mình; làm tốt công tác động viên khen thưởng, hỗ trợ cho giáo viên và học sinh.

- Nhà trường và Ban đại diện CMHS có sự phối kết hợp chặt chẽ, hiệu quả. Đây là một trong những nhân tố góp phần rất quan trọng cho những thành công của nhà trường.

3. Điểm yếu:

Một số ít cha mẹ học sinh do hoàn cảnh, điều kiện công việc phải sinh sống, làm ăn ở xa nên chưa thực sự quan tâm, phối kết hợp với nhà trường trong việc giáo dục học sinh chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong những năm học tới, nhà trường tiếp tục phát huy sự phối kết hợp chặt chẽ, hiệu quả với Ban đại diện CMHS trong các hoạt động; tuyên truyền, động viên cha mẹ học sinh quan tâm phối kết hợp với nhà trường chặt chẽ hơn nữa trong việc giáo dục học sinh.

5. Tự đánh giá:

| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
|------------|----------------|------------------|----------------|------------------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | * | Đạt | * | Đạt |
| b | Đạt | — | — | — | — |
| c | Đạt | - | - | — | — |
| Đạt | | Đạt | | Đạt | |

Tự đánh giá: Đạt ở mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.

Mức 1:

a. Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường
 b. Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c. Huy động và sử dụng các nguồn lực (vật chất, tinh thần) hợp pháp của các tổ chức, cá nhân, các mạnh thường quân đúng quy định.

Mức 2:

a. Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b. Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân của địa phương để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật.... và các nội dung giáo dục

khác cho học sinh nhằm xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1.Mô tả hiện trạng:

1.1. Mức 1:

- Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường:

Hàng năm đều có văn bản báo cáo trình địa phương về kế hoạch và các biện pháp để phát triển nhà trường, nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch phối hợp với Công an phường Nguyễn Nghiêm xây dựng quy chế đảm bảo an ninh, trật tự trường học, phối hợp với Trung tâm Y tế của phường tuyên truyền về phòng chống HIV - AIDS, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống dịch bệnh... [H4-4.2-01].

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường.

Ban đại diện phối hợp nhà trường cho phụ huynh đăng ký sử dụng dịch vụ nhận tin nhắn nhằm giúp phụ huynh nhận được thông báo kết quả điểm cũng như thông báo khẩn của nhà trường về hoạt động học tập. [H4-4.2-02].

- Huy động và sử dụng các nguồn lực (*vật chất, tinh thần*) hợp pháp của các tổ chức, cá nhân, các mạnh thường quân đúng quy định:

Ban đại diện cha mẹ của Trường đã huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đóng góp tự nguyện của cha mẹ học sinh để xây dựng cơ sở vật chất như, trang bị Ti vi, bộ bàn ghế ngồi học, vận động các mạnh thường quân hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động phong trào như văn nghệ, xây dựng Thư viện sách tiếng Anh, câu lạc bộ Tiếng Anh, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh bị bệnh hiểm nghèo.... đều được công khai trong sổ theo dõi tấm lòng vàng của Nhà trường. Nhà trường đề xuất Ban đại diện cha mẹ của Trường và Hội Khuyến học phường Nguyễn Nghiêm những học sinh có hoàn cảnh khó khăn được nhận học bổng trong mỗi học kỳ và đầu năm học..., danh sách học sinh khó nhận quà tết năm học 2017-2018 cho đến nay [H4-4.2-03]

1.2. Mức 2

- Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển:

Có đầy đủ văn bản công nhận trường đạt chuẩn. Công khai hồ sơ xây dựng bê tông hóa sân trường, các phòng vệ sinh của dãy nhà ba tầng.. [H4-4.2-04]

- Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân của địa phương để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật.... và các nội dung giáo dục khác

cho học sinh nhằm xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Nhà trường phối hợp tổ chức Đoàn, Đội, giáo viên bộ môn lịch sử, Ban đại diện hội cha mẹ học sinh các lớp tổ chức các buổi nói chuyện tuyên truyền về luật giao thông, phòng chống các tệ nạn bạo lực học đường... Tổ chức dâng hương tưởng nhớ các anh hùng liệt sĩ tại 86 Nguyễn Du. Tổ chức hoạt động học tập thực tế môn lịch sử tại địa đạo Đám Tỏa Bình Châu, huyện Bình Sơn. Viếng hương tại khu chiến tích Sơn Mỹ, thăm khu lưu niệm cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng và nhà thờ anh hùng yêu nước Nguyễn Nghiêm cho học sinh. [H4-4.2-05]

1.3. Mức 3

- Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương: Ban đại diện phối hợp, hỗ trợ với nhà trường, giáo viên, hội đoàn thể tổ chức cho học sinh tham quan học hỏi thực tế truyền thống lịch sử địa phương, câu lạc bộ như câu lạc bộ Tiếng Anh, Gita, Thể dục thể thao....

2. Điểm mạnh:

Ban đại diện CMHS của nhà trường làm tốt công tác xã hội hóa, huy động các nguồn lực nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục, cơ sở vật chất của nhà trường.

Ban đại diện CMHS thường xuyên phối hợp chặt chẽ với nhà trường, các đoàn thể để cùng nhau bàn bạc, giải quyết công việc, thống nhất cách chăm sóc giáo dục học sinh.

3. Điểm yếu:

Công tác huy động nguồn lực cho giáo dục cần được đẩy mạnh hơn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục làm tốt công tác tham mưu với chính quyền địa phương và cấp ủy Đảng, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể, huy động mọi nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường nhằm xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, góp phần nâng cao chất lượng và duy trì số lượng học sinh.

Phát huy hơn nữa việc xã hội hóa giáo dục, kết hợp giáo dục học sinh giữa ba môi trường: nhà trường - gia đình - xã hội.

5. Tự đánh giá:

| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
|---------|----------------|------------------|----------------|------------------|------------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | a | Đạt | * | Không đạt |
| b | Đạt | b | Đạt | — | — |
| c | Đạt | - | - | — | — |

| Đạt | Đạt | Không đạt |
|-----|-----|-----------|
|-----|-----|-----------|

Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về tiêu chuẩn 4

Để các hoạt động giáo dục đạt hiệu quả cao, nhà trường luôn có sự phối hợp chặt chẽ với Ban đại diện hội cha mẹ học sinh, tổ chức đoàn thể, các cơ quan, đơn vị, các cá nhân trong và ngoài nhà trường. Nhà trường đã chủ động tham mưu có hiệu quả với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với Ban đại diện hội phụ huynh trường, tổ chức đoàn thể ở địa phương, tổ chức xã hội, các mạnh thường quân và cá nhân để huy động nguồn lực xây dựng nhà trường và môi trường giáo dục. Nhà trường phối hợp với các tổ chức đoàn thể của địa phương, huy động sự tham gia của cộng đồng để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc cho học sinh và thực hiện mục tiêu, kế hoạch giáo dục. Đặc biệt là mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội luôn là yếu tố tích cực giúp sự nghiệp phát triển nhà trường luôn ổn định, bền vững và phát triển.

- Số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu:

+ Mức 1 đạt: 2/2 tiêu chí; tỉ lệ: 100%

+ Mức 2 đạt: 2/2 tiêu chí; tỉ lệ: 100%

+ Mức 3 đạt: 1/2 tiêu chí; tỉ lệ: 50%

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:

+ Mức 1 không đạt: 0/2 tiêu chí; tỉ lệ: 0%

+ Mức 2 không đạt: 0/2 tiêu chí; tỉ lệ: 0%

+ Mức 3 không đạt: 1/1 tiêu chí; tỉ lệ: 50%

- Tự đánh giá tiêu chuẩn: Đạt mức 2

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu: Thực hiện nguyên lí giáo dục của Đảng “Học đi đôi với hành, nhà trường gắn liền với xã hội, lí luận gắn liền với thực tiễn”. Hoạt động giáo dục là nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường, kết quả giáo dục thể hiện chất lượng giáo dục của nhà trường. Do đó, trong những năm học qua, nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục và coi đó là thương hiệu của một nhà trường cấp THCS trong ngành giáo dục của tỉnh. Đội ngũ cán bộ giáo viên của trường đã không ngừng nỗ lực, thi đua, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ và mục tiêu đề ra ở từng năm học. Hoạt động giáo dục của nhà trường luôn thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo của ngành; đồng thời triển khai có hiệu quả các nội dung giáo dục trong nhà trường phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị. Do đó, hoạt động giáo dục trong và ngoài giờ lên lớp, giáo dục hướng nghiệp, tư vấn nghề nghiệp cũng được chú trọng. Từ đó kết quả giáo dục của nhà trường đạt được những thành tích đáng kể, kết quả hai mặt giáo dục các năm học đạt chất lượng cao, năm sau luôn cao hơn năm trước. Kết quả các kỳ thi, cuộc thi, hội thi luôn đạt thành tích cao và đứng tốp đầu của thành phố. Hoạt

động giáo dục và kết quả giáo dục qua mô tả chi tiết sau:

1. Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

a) *Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;*

b) *Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng HS và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;*

c) *Các hình thức kiểm tra, đánh giá HS đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.*

Mức 2:

a) *Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục, lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của HS.*

b) *Phát hiện và bồi dưỡng HS có năng khiếu, phù đạo HS khó khăn trong học tập, rèn luyện.*

Mức 3:

Hàng năm rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, HS.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1:

a) Hàng năm, nhà trường thực hiện đúng kế hoạch thời gian của năm học theo Quyết định của UBND tỉnh Quảng Ngãi. Kế hoạch giáo dục nhà trường xây dựng gắn với điều kiện thực tế của đơn vị. Hoạt động dạy học: tổ chức dạy học đúng, đủ nội dung các môn học và các hoạt động giáo dục của nhà trường thực hiện đảm bảo mục tiêu giáo dục. Tất cả các giáo viên đều xây dựng và thực hiện theo kế hoạch giảng dạy theo đúng quy định. [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02]; [H1-1.8-08].

b) Nhà trường thường xuyên chỉ đạo về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá thường xuyên. Giáo viên vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học theo yêu cầu đổi mới; đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng HS và điều kiện nhà trường. Trong quá trình giảng dạy, giáo viên chú trọng bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn cho học sinh. [H1-1.8-05]; [H5-5.1-03]; [H5-5.1-04]; [H5-5.1-06]; [H5-5.1-07]; [H5-5.1-08]

c) Nhà trường đã chỉ đạo tổ chức kiểm tra đánh giá học sinh đa dạng, đảm bảo khách quan và hiệu quả [H5-5.1-04]; [H5-5.1-05];

1.2. Mức 2:

a) Định kỳ, cán bộ quản lý kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giảng dạy của giáo viên qua sổ đầu bài, sổ báo giảng, dự giờ và qua kiểm tra tình hình học tập của học sinh để đảm bảo thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức học sinh [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02]; [H1-1.8-08]; [H1-1.8-05]; [H5-5.1-03]; [H5-5.1-04]; [H5-5.1-06]; [H5-5.1-07]; [H5-5.1-08]

b) Đầu năm học, Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch và thực hiện bồi dưỡng HS có năng khiếu, phụ đạo HS gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện [H5-5.1-06].

1.3. Mức 3:

Hàng năm, nhà trường thực hiện rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy của giáo viên và học tập của HS [H1- 1.1 -04]; [H1- 1.4- 04]; [H1-1.8-05]; [H1-1.8-06]; [H1- 1.9- 06]

2. Điểm mạnh:

Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục. Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng HS và điều kiện nhà trường. Trong quá trình giảng dạy, giáo viên bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Thực hiện bồi dưỡng HS có năng khiếu, phụ đạo HS gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện. Nhà trường tích cực trong việc nâng cao chất lượng học tập của học sinh, tỉ lệ học sinh khá giỏi và tỉ lệ học sinh lên lớp luôn ở mức cao.

Tham gia dự thi các kì thi, cuộc thi, hội thi các cấp luôn đạt thành tích cao. Đặc biệt đội tuyển dự thi học sinh giỏi, IOE, KHKT của trường luôn được đánh giá là tốp đầu của thành phố và của tỉnh.

3. Điểm yếu:

Hình thức tổ chức thực hiện kiểm tra, đánh giá thường xuyên đối với HS của một vài giáo viên chưa linh hoạt, phong phú, đa dạng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tiếp tục đẩy mạnh công tác dạy học và các hoạt động giáo dục của nhà trường. Vận dụng tốt các phương pháp dạy học tích cực vào giảng dạy. Trong năm học 2022-2023, nhà trường sẽ tổ chức công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HS với các hình thức kiểm tra, đánh giá HS đa dạng hơn. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, dạy học Stem.

5. Tự đánh giá:

| | | |
|--------------|--------------|--------------|
| Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 |
|--------------|--------------|--------------|

| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
|------------|---------------|------------|---------------|------------|---------------|
| a | Đạt | a | Đạt | * | Đạt |
| b | Đạt | b | Đạt | - | - |
| c | Đạt | - | - | - | - |
| Đạt | | Đạt | | Đạt | |

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch cho hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, trong học tập và rèn luyện từ đầu năm học.

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hàng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1:

a) Hàng năm, nhà trường, các tổ chuyên môn, GVCN và giáo viên bộ môn đều xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn [H5-5.2-01].

- Có kế hoạch nhằm phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu: các môn thể dục, thể thao, các môn học văn hóa; sáng tạo thanh thiếu niên; KHKT, câu lạc bộ Tiếng Anh;... [H5-5.2-02]

b) Nhà trường đã tổ chức bồi dưỡng HSG 02 buổi/tuần cho mỗi môn học ngay từ đầu năm học, tổ chức các câu lạc bộ Tiếng Anh, câu lạc bộ Ghitar, nghiên cứu KHKT và phụ đạo HS yếu - kém theo hình thức dạy theo hướng phân hóa đối tượng trên lớp, nhà trường còn tổ chức phụ đạo tập trung theo kế hoạch. [H5-5.2-03]; [H5-5.2-04]; [H5-5.2-05]

- Chi hội khuyến học của nhà trường thường xuyên huy động nguồn lực từ phụ huynh, các tổ chức để hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn đến lớp, Tỷ lệ HS ở lại lớp, bỏ học của trường hàng năm tỉ lệ rất thấp [H5-5.2-03].

c) Sau mỗi học kỳ BGH nhà trường, các tổ bộ môn đều rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, động viên các học sinh có năng khiếu, giúp đỡ các học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện bằng những phần thưởng hay học bổng để động viên khuyến khích. Qua đó đã kịp thời điều chỉnh kế hoạch để phù hợp hơn với thực tế nhà trường; đồng thời, rút kinh nghiệm cho những năm học sau. [H1- 1.1 -04]

1.2. Mức 2:

Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức rất nhiều hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. Thông qua các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đã đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục đã đề ra. Đặc biệt học sinh giỏi, học sinh năng khiếu được bồi dưỡng, huấn luyện để phát triển kỹ năng và thành lập đội tuyển tham gia các hội thi các cấp [H5-5.2-03]; [H5-5.2-04]; [H5-5.2-05]

1.3. Mức 3:

Nhà trường đều tổ chức rất nhiều hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. Hàng năm, nhà trường có học sinh tham gia các hội thi văn hoá, thể dục, thể thao, khoa học kỹ thuật đạt thành tích được cấp trên công nhận [H5-5.2-03]; [H5-5.2-04]; [H5-5.2-05]

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng, tổ chức thực hiện tốt kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, trong học tập và rèn luyện qua các năm học.

Hàng năm làm tốt công tác rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Công tác phối hợp của nhà trường có hiệu quả. Được chính quyền địa phương, đoàn thể, các tổ chức, cá nhân luôn quan tâm đến HS có hoàn cảnh khó khăn, có những tìm hiểu hoàn cảnh, động viên, khuyến khích kịp thời.

Nhà trường có học sinh đạt giải cao trong các hội thi năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

3. Điểm yếu:

Điều kiện về cơ sở vật chất: Diện tích, số phòng học, sân chơi, bãi tập... chưa đảm bảo nên khó khăn trong luyện tập thể thao và bồi dưỡng HS giỏi, phụ đạo HS yếu; ảnh hưởng các hoạt động ngoại khóa.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Nhà trường tiếp tục tham mưu các cấp về tăng cường cơ sở vật chất, diện tích sân trường, sân chơi, bãi tập;

- Nhà trường có chỉ đạo để các bộ phận chuyên môn có kế hoạch lưu giữ kết quả các cuộc thi đầy đủ và khoa học hơn.

- Tiếp tục tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục để quản lý tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện ngày càng được nâng cao, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện về giáo dục.

5. Tự đánh giá

| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
|------------|----------------|------------------|----------------|------------------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | * | Đạt | * | Đạt |
| b | Đạt | - | - | - | - |
| c | Đạt | - | - | - | - |
| Đạt | | Đạt | | Đạt | |

Tự đánh giá : Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1

a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;

b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;

c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất, điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương

Mức 2: Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng:

1.1. Mức 1:

a) Nhà trường luôn có kế hoạch thực hiện các nội dung giáo dục chương trình địa phương theo đúng hướng dẫn lồng ghép qua các môn học: Lịch sử, Địa lí, GDCD, N. văn, Nhạc, Họa và các hoạt động ngoại khóa theo hướng dẫn thực hiện chương trình của ngành. [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02]

b) Trường có tổ chức các buổi học tập ngoại khóa về văn hóa, di tích lịch sử; có các hình thức kiểm tra, đánh giá HS về nội dung giáo dục địa phương (theo qui

định kết hợp với điều kiện thực tế của địa phương); đảm bảo tính khách quan và hiệu quả; chất lượng giáo dục địa phương được nâng lên. Nhà trường đã tiến hành kiểm tra đánh giá các nội dung giáo dục địa phương theo quy định của Bộ GD &ĐT. [H5-5.1-05] [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03]; [H5-5.4-02]

c) Hằng năm, trường có rà soát, đánh giá, cập nhật số liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục. [H5-5.3-04]; [H5-5.3-05]

1.2. Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học, với yêu cầu đổi mới, gắn lí luận với thực tiễn, gắn với hướng nghiệp nghề địa phương. HS có chủ động, sáng tạo hơn trong quá trình học tập. [H5-5.1-01]; [H5-5.3-04] [H5-5.3-05]

2. Điểm mạnh:

- Trường có đầy đủ tài liệu giáo dục địa phương với yêu cầu nội dung được theo quy định. Thực hiện tổ chức giảng dạy nghiêm túc chương trình địa phương theo chương trình, tích hợp.

- Đã thực hiện việc lồng ghép và tích hợp vào các bộ môn văn hóa khác trong quá trình giảng dạy của giáo viên.

- HS tích cực trong học tập; công tác kiểm tra đánh giá, đề xuất điều chỉnh nội dung hằng năm của BGH kịp thời.

- Tổ chức thường xuyên cho HS tham quan di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh của địa phương.

3. Điểm yếu:

Chương trình địa phương được sắp xếp ở các tiết học cuối mỗi học kỳ ở một số môn nên chất lượng các nội dung giáo dục địa phương đôi khi chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

- Cải tiến phương pháp, nâng cao chất lượng giảng dạy các nội dung giáo dục địa phương, tăng cường công tác kiểm tra đánh giá của BGH đối với việc thực hiện nội dung chương trình giáo dục địa phương.

- Có kế hoạch bổ sung tài liệu giảng dạy chương trình địa phương và gắn với hướng nghiệp nghề địa phương.

5. Tự đánh giá:

| Mức 1 | | Mức 2 | |
|------------|---------------|------------|---------------|
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Đạt | * | Đạt |
| b | Đạt | - | - |
| c | Đạt | - | - |
| Đạt | | Đạt | |

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường.

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch.

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

a) Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp với học sinh và đạt kết quả thiết thực.

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục trong đó có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được thực hiện theo quy định đối với học sinh khối 6, 9 phù hợp với điều kiện của nhà trường. [H5-5.4-01]

b) Nhà trường tổ chức thực hiện các hoạt động trải nghiệm, dạy hướng nghiệp theo kế hoạch. Phối hợp với trường Trung cấp nghề dạy nghề hướng nghiệp các ngành nghề cho học sinh khối 6, 9 phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương giúp các em định hướng được nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp Trung học cơ sở [H5-5.4-02]; [H5-5.4-03].

c) Hiệu trưởng nhà trường có phân công, huy động giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, nhân viên tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh phù hợp với điều kiện của từng học sinh phù hợp với tình hình thực tế của hoạt động của nhà trường [H5-5.4-04].

1.2. Mức 2

a) Nhà trường đã tổ chức các hoạt động trải nghiệm với nhiều hình thức phong phú theo đặc trưng môn học phù hợp với điều kiện thực tế như: Tham quan, dã ngoại; tham gia Cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên, tham gia cuộc thi khoa học kỹ thuật, Stem, thực hành; câu lạc bộ tiếng Anh, câu lạc bộ Thể dục - thể thao, câu lạc bộ Guitar,.. Tổ chức hướng về nguồn: HS tham gia dọn vệ sinh quét dọn Phù Đền 68 liệt sĩ vào các ngày lễ 27/7, Tết nguyên đán. [H5-5.4-02]

Hoạt động hướng nghiệp: Nhà trường chú trọng giáo dục hướng nghiệp cho học sinh khối lớp 9 nhằm định hướng nghề nghiệp cho các em trong tương lai [H5-5.4-03]

b) Qua các đợt tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, nhà trường đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm, bổ sung kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho lần tiếp theo đạt hiệu quả hơn [H5-5.4-05]; [H1- 1.1 -04]

2. Điểm mạnh

Kế hoạch tổ chức, nội dung dạy học hướng nghiệp, phân luồng học sinh phù hợp với địa phương.

Nhà trường đã tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương... .

Thường xuyên tổ chức sinh hoạt các câu lạc bộ, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, nhảy múa thể thao, trò chơi dân gian và sinh hoạt tập thể cho học sinh vào các ngày lễ lớn trong năm;

Đội ngũ giáo viên nhiệt tình, có kinh nghiệm trong hướng dẫn HS nghiên cứu khoa học, tham gia các hoạt động trải nghiệm.

3. Điểm yếu

Cơ sở vật chất của nhà trường còn chưa đáp ứng được các hoạt động thể dục thể thao.

Còn thiếu kinh phí để tổ chức nhiều các hoạt động trải nghiệm cho học sinh. Tình hình dịch bệnh Covid 19 kéo dài ảnh hưởng nhiều đến việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho HS.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường tiếp tục thực hiện tốt hoạt động trải nghiệm cho HS đặc biệt là thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 trong những năm tiếp theo. Đặc biệt các hoạt động trải nghiệm cần phải phong phú và đa dạng hơn để thu hút, phát huy tích cực ở HS.

Tăng cường tổ chức nhiều các hoạt động trải nghiệm cho học sinh thông qua huy động sự hỗ trợ của các nguồn lực.

5. Tự đánh giá

| Mức 1 | | Mức 2 | |
|------------|----------------|------------------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | a | Đạt |
| b | Đạt | b | Đạt |
| c | Đạt | - | - |
| Đạt | | Đạt | |

Tự đánh giá : Đạt mức 2

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3: *Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.*

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

Thực hiện giáo dục kỹ năng sống cho học sinh đối với các môn học có lồng ghép giáo dục kỹ năng sống, kế hoạch bài dạy (giáo án) trong các hoạt động giáo dục thể hiện rõ định hướng hình thành phát triển kỹ năng sống cho học sinh. [H5-5.5-01]

Đoàn thanh niên, Đội TNTP, y tế học đường đều xây dựng các kế hoạch ngoại khóa như Giáo dục phòng chống đuối nước; An toàn giao thông; các hoạt động trải nghiệm... [H5-5.5-02]

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

Trong các buổi sinh hoạt dưới cờ, các buổi ngoại khóa của nhà trường, Đội đã thực hiện giáo dục các kỹ năng sống như: các kỹ năng phòng tránh tai nạn và tham gia giao thông an toàn, kỹ năng phòng tránh đuối nước, kỹ năng phòng tránh bệnh sốt xuất huyết, các bệnh về mắt, giáo dục giới tính, Quá trình thực hiện rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật đã giúp học sinh có chuyển biến tích cực. Học sinh tự tin tham gia các hoạt động trải nghiệm, không có HS tham gia các tệ nạn xã hội, tỉ lệ học sinh vi phạm an toàn giao thông giảm; không có học sinh đuối nước; tinh thần tương thân tương ái được nâng cao... [H5-5.5-06].

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Thông qua các hoạt động giáo dục (TĐTT, văn nghệ, ngoại khóa,...) HS được rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật nhờ đó kết quả có chuyển biến tích cực. Tỉ lệ học sinh về xếp loại hạnh kiểm tốt, khá chiếm tỉ lệ cao,

tỉ lệ hạnh kiểm trung bình giảm theo từng năm học. Lối sống, tác phong của học sinh phù hợp phong tục, tập quán địa phương và phù hợp với lứa tuổi tùy theo hoạt động cụ thể. [H5-5.5-03].

1.2. Mức 2

a) *Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;*

Giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn đã hướng dẫn cho học sinh đánh giá kết quả học tập và rèn luyện (theo Thông tư 58 và TT 26, TT22). [H5-5.5-04]

b) *Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.*

Học sinh biết vận dụng một phần kiến thức vào thực tiễn vào trong cuộc sống như biết cách phòng chống bệnh sốt xuất huyết, các bệnh về giun, cách phòng bệnh đường hô hấp...

1.3. Mức 3: *Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.*

Trong 05 năm học qua, trường có học sinh tham gia các Cuộc thi Khoa học kỹ thuật; Cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên (sở KH&CN tổ chức); Cuộc thi khởi nghiệp đối với HS phổ thông, do các cấp, ngành tổ chức đạt giải cao và số lượng, chất lượng năm sau cao hơn năm học trước. [H5-5.5-05].

2. Điểm mạnh

Xây dựng kế hoạch giáo dục kỹ năng sống phù hợp điều kiện nhà trường, địa phương. Định hướng cụ thể trong kế hoạch dạy học đối với các môn học có yêu cầu theo qui định.

Tổ chức nhiều và phong phú các hoạt động ngoại khóa,...

Tỉ lệ học sinh về xếp loại hạnh kiểm tốt, khá chiếm tỉ lệ cao theo từng năm học.

3. Điểm yếu

Các hoạt động trải nghiệm cho HS chưa thật sự phong phú. Giáo dục pháp luật, đạo đức học sinh cần quan tâm hơn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch nhiều hoạt động trải nghiệm đồng thời tăng cường phối hợp giữa nhà trường với hội phụ huynh các lớp để HS được tham gia nhiều hoạt động trải nghiệm hơn. Cụ thể trong năm học 2019-2020, nhà trường đã xây dựng kế hoạch cắm trại cho HS khối 9 và BCH Liên đội.

5. Tự đánh giá:

| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
|---------|----------------|------------------|----------------|------------------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a | Đạt | a | Đạt | * | Đạt |

| | | | | | |
|------------|------------|------------|------------|------------|---|
| b | Đạt | b | Đạt | - | - |
| c | Đạt | - | - | - | - |
| Đạt | | Đạt | | Đạt | |

Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*

b) *Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*

c) *Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.*

Mức 2:

a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;*

b) *Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.*

Mức 3:

a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung*

học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1:

a) Kết quả 2 mặt giáo dục là học lực và hạnh kiểm của học sinh đạt chỉ tiêu đặt ra so với kế hoạch của nhà trường [H5-5.6-01]

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và đỗ tốt nghiệp hàng năm đạt yêu cầu so với kế hoạch đặt ra đầu mỗi năm học của nhà trường [H5-5.6-02]; [H5-5.6-03]

c) Nhà trường, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn rất chú trọng việc định hướng cho học sinh lựa chọn trường học phù hợp với khả năng của mình. [H5-5.6-04]

1.2. Mức 2:

Trong 05 năm liên tiếp tỷ lệ xếp loại học lực và hạnh kiểm của học sinh toàn trường có chuyển biến tích cực, tỷ lệ học sinh xếp loại học lực giỏi, khá tăng dần qua các năm, tỷ lệ học sinh yếu, kém có xu hướng giảm dần. Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá tốt tăng dần qua các năm, học sinh có hạnh kiểm trung bình giảm. [H5-5.6-01]; [H5-5.6-05]; [H5-5.6-06]; [H5-5.6-07]

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp thẳng tăng, tỷ lệ học sinh thi lại giảm dần trong 05 năm gần đây. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp luôn đạt trên 99% trong 05 năm trở lại đây [H5-5.6-02]; [H5-5.6-03]

1.3. Mức 3

a) Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường đạt trên 42%. Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường đạt trên 35%. [H5-5.6-05]; [H5-5.6-06]

Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường không quá 2,5%. [H5-5.6-07].

Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt trên 90% so với tổng số học sinh toàn trường.

b) Nhà trường có các giải pháp trong việc hạn chế tỉ lệ học sinh bỏ học và lưu ban: tỉ lệ học sinh bỏ học không quá 0.5% và tỉ lệ học sinh lưu ban không quá 0.5%. [H5-5.6-02]; [H5-5.6-08]

2. Điểm mạnh:

- Các năm học qua, nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động chuyên môn, hoạt động giáo dục khoa học, có các biện pháp, giải pháp cụ thể, Chú trọng việc đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập; đạt kế hoạch đề ra và có chuyển biến tích cực, chất lượng giáo dục của nhà trường luôn được đánh giá là đơn vị dẫn đầu khối THCS của thành phố Quảng Ngãi.

- Các hoạt động chuyên môn đều có kế hoạch cụ thể. Đội ngũ CBQL, GV có năng lực chuyên môn. Công tác phụ đạo học sinh yếu, kém được GV quan tâm ngay trong từng tiết dạy. Việc bồi dưỡng học sinh giỏi, tỉ lệ đạt HSG các cấp rất cao và cùng với kết quả các cuộc thi, hội thi thể hiện chất lượng giáo dục của nhà trường.

- Công tác phối hợp giữa nhà trường, giáo viên với phụ huynh học sinh và các tổ chức xã hội có sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả.

3. Điểm yếu:

Kết quả xếp loại hạnh kiểm trung bình vẫn còn nhưng tỉ lệ thấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

- Tiếp tục tăng cường công tác bồi dưỡng HS giỏi, phụ đạo HS yếu. Có nhiều hình thức động viên bằng quà khuyến học, giúp đỡ HS nghèo vượt khó học giỏi, giúp đỡ HS có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn.

- Thường xuyên quan tâm đến HS và gia đình để hạn chế tình trạng vi phạm nội quy, pháp luật HS và thể hiện sự gần gũi, thân thiện.

- Thường xuyên bổ sung kế hoạch trong quá trình tổ chức thực hiện. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, có các giải pháp phù hợp với tình hình thực tế

5. Tự đánh giá:

| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
|------------|---------------|------------|---------------|------------|---------------|
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Đạt | a | Đạt | * | Đạt |
| b | Đạt | b | Đạt | - | - |
| c | Đạt | - | - | - | - |
| Đạt | | Đạt | | Đạt | |

Kết quả: Đạt Mức 3

* Kết luận về tiêu chuẩn 5:

- Trong những năm học liền kề vừa qua, nhà trường đã thực hiện tốt các hoạt động giáo dục theo hướng dẫn tại các quy định của ngành, nhiệm vụ từng năm học và

chương trình giáo dục đảm bảo, đạt hiệu quả cao. Việc thực hiện các quy định về hoạt động chuyên môn của các cơ quan quản lý giáo dục đúng qui định, nhà trường có các giải pháp phù hợp để giữ vững và nâng cao chất lượng giáo dục; các hoạt động giáo dục của nhà trường đúng trọng tâm và hiệu quả. Công tác phổ cập giáo dục ở địa phương được giữ vững, việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm, văn hóa, thể thao với sự tham gia tích cực của học sinh. Đồng thời nhà trường rất chú trọng công tác rèn luyện các kỹ năng theo yêu cầu môn học, kỹ năng sống, giáo dục pháp luật cho học sinh.

- Kết quả xếp loại hai mặt giáo dục: học lực, hạnh kiểm của học sinh có tỉ lệ cao, vượt yêu cầu của các chỉ số theo chuẩn quy định.

- Kết quả đạt được qua các kì thi, cuộc thi, hội thi và các hoạt động khác cao. Kết quả đạt được khẳng định được thương hiệu của trường.

Giải pháp khắc phục tồn tại: Tuy chất lượng giáo dục của nhà trường đạt hiệu quả cao nhưng trang thiết bị dạy học chưa đáp ứng yêu cầu cao trong dạy học. Nhà trường đã có các giải pháp tiếp tục nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục trong nhà trường trong những năm tiếp theo.

- Số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu:

+ Mức 1 đạt: 5/5 tiêu chí, tỷ lệ: 100%

+ Mức 2 đạt: 5/5 tiêu chí, tỷ lệ: 100%

+ Mức 3 đạt: 4/4 tiêu chí, tỷ lệ: 100%

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:

+ Mức 1 không đạt: 0

+ Mức 2 không đạt: 0

+ Mức 3 không đạt: 0 tiêu chí, tỷ lệ: 0%

- Tự đánh giá tiêu chuẩn: Đạt mức 3

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Việc tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục là điều cần thiết của các trường học nhằm giúp cơ sở giáo dục xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, để xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục nhằm không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục. Theo chỉ đạo của Sở GD&ĐT Quảng Ngãi, Phòng GD&ĐT thành phố Quảng Ngãi, trường THCS Nguyễn Nghiêm tổ chức thực hiện tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục của trường theo Thông tư số 18/2019/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở đánh giá hiện trạng của trường kể từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022. Kết quả tự đánh giá của nhà trường như sau:

| Mức đánh giá | Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | | Mức 4 | |
|-----------------|-------|------|-------|------|-------|----|-------|----|
| | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| Số tiêu chí đạt | 26/28 | 92,8 | 27/28 | 96,4 | 12/20 | 60 | 00 | 00 |

| | | | | | | | | |
|-------------------------|-------|------|-------|------|-------|----|----|-----|
| Số tiêu chí không đạt | 02/28 | 7,2 | 01/28 | 3,6 | 8/20 | 40 | 06 | 100 |
| Số tiêu chuẩn đạt | 03/05 | 60,0 | 03/05 | 60,0 | 01/05 | 20 | 00 | 00 |
| Số tiêu chuẩn không đạt | 02/05 | 40,0 | 02/05 | 40,0 | 04/05 | 80 | 00 | 00 |

Nhà trường tự đánh giá: Không đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1.

Trên đây là toàn bộ báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục của trường THCS Nguyễn Nghiêm về công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường phổ thông và đánh giá các tiêu chuẩn của trường đạt chuẩn Quốc gia.

Với kết quả trên trường Trung học cơ sở Nguyễn Nghiêm chưa đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục và đạt chuẩn quốc gia cấp độ 1.

Nguyễn Nghiêm, ngày 10 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hồng Nga

Phần IV: PHỤ LỤC DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG

| Tiêu chí | Mã minh chứng | Tên minh chứng | Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,... | Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện | Ghi chú |
|---------------------|----------------------|---|--|--|----------------|
| Tiêu chí 1.1 | [H1-1.1- 01] | 1. Văn bản Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường cấp có thẩm quyền phê duyệt. | | | |
| | [H1- 1.1- 02] | 2. Các báo cáo sơ kết tổng kết, biên bản hội nghị CNVC | Hàng năm | | |
| | [H1- 1.1 -03] | 3. Báo cáo, biên bản có nội dung rà soát bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. | | | |
| | [H1- 1.1 -04] | 4. Sổ biên bản họp hội đồng | Hàng năm | | |
| Tiêu chí 1.2 | [H1- 1.2 -01] | 1. Quyết định thành lập hội đồng trường. | Theo nhiệm kỳ | | |
| | [H1- 1.2 -02] | 2. Quyết định thành lập hội đồng thi đua, khen thưởng | Hàng năm | | |
| | [H1- 1.2 -03] | 3. Quyết định thành lập tổ tư vấn. | Hàng năm | | |
| | [H1- 1.2 -04] | 4. Sổ biên bản họp hội đồng, hồ sơ hội nghị CNVC | Hàng năm | | |
| | [H1- 1.2 -05] | 5. Hồ sơ thi đua, kết quả xếp loại học lực, hạnh kiểm của học sinh | Hàng năm | | |
| Tiêu chí 1.3 | [H1- 1.3 -01] | 1. Quyết định về việc thành lập công đoàn nhà trường | Theo nhiệm kỳ | | |

| | | | | | |
|---------------------|---------------|---|---------------------------------------|--|--|
| | [H1- 1.3 -02] | 2. Quyết định thành lập hội đồng thi đua, khen thưởng | Hàng năm | | |
| | [H1- 1.3 -03] | 3. Sổ biên bản họp hội đồng | Hàng năm | | |
| | [H1- 1.3 -04] | 4. Hồ sơ thi đua. | Hàng năm | | |
| | [H1- 1.3 -05] | 5. Quyết định của Đảng ủy cấp trên công nhận chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. | | | |
| | [H1- 1.3 -06] | 6. Quyết định thành lập ban ngoại khóa | Hàng năm | | |
| | [H1- 1.3 -07] | 7. Giấy khen của Đảng ủy cấp trên công nhận chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. | | | |
| | [H1- 1.3 -08] | 8. Giấy khen của đoàn đội | | | |
| Tiêu chí 1.4 | [H1- 1.4- 01] | 1. Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, Tổ trưởng chuyên môn | HT 523/QĐ- UBND PHT 1227/QĐUBND | | |
| | [H1- 1.4- 02] | 2. Quyết định về việc thành lập tổ chuyên môn và tổ văn phòng. | | | |
| | [H1- 1.4- 03] | 3. Kế hoạch hoạt động của các tổ. | Hàng tuần | | |
| | [H1- 1.4- 04] | 4. Sổ biên bản của tổ | Hàng tháng | | |
| | [H1- 1.4- 05] | 5. Các biên bản sinh hoạt chuyên đề tổ chuyên môn | Hàng tháng | | |
| | [H1- 1.4- 06] | 6. Kế hoạch và báo cáo hoạt động của các CLB | Hàng năm | | |
| Tiêu chí 1.5 | [H1-1.5-01] | 1. Sổ đăng bộ | Hàng năm | | |
| | [H1-1.5-02] | 2. Các báo sơ kết tổng kết | Hàng năm | | |
| | [H1-1.5-03] | 3. Sổ chủ nhiệm | Hàng năm | | |
| | [H1-1.5-04] | 4. Biên bản đại hội chi đội, SHL | Hàng năm | | |
| | [H1-1.5-05] | 5. Sổ gọi tên và ghi điểm | | | |

| | | | | | |
|---------------------|---------------|---|------------|--|--|
| Tiêu chí 1.6 | [H1-1.6- 01] | 1. Sổ quản lý và hồ sơ trữ các văn bản, công văn đi, đến | Hàng năm | | |
| | [H1-1.6- 02] | 2. Sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục | Hàng năm | | |
| | [H1- 1.6- 03] | 3. Quy chế chi tiêu nội bộ | Hàng năm | | |
| | [H1- 1.6- 04] | 4. Báo cáo sơ kết, tổng kết về tài chính nhà trường | Hàng năm | | |
| | [H1- 1.6- 05] | 5. Biên bản và kế hoạch thanh tra nội bộ | Hàng năm | | |
| | [H1- 1.6- 06] | 6. Kế hoạch tài chính trong năm | Hàng năm | | |
| | [H1- 1.6- 07] | 7. Phần mềm quản lý hành chính, tài chính... | Hàng năm | | |
| | [H1- 1.6- 08] | 8. Sổ quản lý tài chính | Hàng năm | | |
| | [H1- 1.6- 09] | 9. Biên bản kiểm tra của cấp trên về quản lý tài chính và tài sản | Hàng năm | | |
| | [H1- 1.6- 10] | 10. Quyết định giao dự toán hằng năm. | | | |
| Tiêu chí 1.7 | [H1-1.7-01] | 1. Kế hoạch bồi dưỡng, phát triển đội ngũ hằng năm | Hàng năm | | |
| | [H1-1.7-02] | 2. Sổ biên bản nhà trường. | Hàng năm | | |
| | [H1-1.7-03] | 3. Bảng phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên hằng năm | Hàng năm | | |
| | [H1-1.7-04] | 4. Kế hoạch giáo dục. | Hàng năm | | |
| | [H1-1.7-05] | 5. Biên bản hội nghị cán bộ, viên chức hằng năm | Hàng năm | | |
| | [H1-1.7-06] | 6. Bảng nhận chế độ lương và các chế độ phụ cấp khác của giáo viên hằng tháng | Hàng tháng | | |
| | [H1-1.7-07] | 7. Kế hoạch hoạt động của nhà trường | Hàng năm | | |

| | | | | | |
|---------------------|---------------|--|---------------|--|--|
| | [H1-1.7-08] | 8. Hồ sơ kiểm tra, đánh giá giáo viên và nhân viên | Hàng năm | | |
| | [H1-1.7-09] | 9. Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học, Báo cáo sơ kết, tổng kết công tác của công đoàn | Hàng năm | | |
| Tiêu chí 1.8 | [H1-1.8-01] | 1. Sổ ghi kế hoạch hoạt động chuyên môn và nội dung các cuộc họp chuyên môn | Hàng tháng | | |
| | [H1-1.8-02] | 2. Hồ sơ thi đua | Hàng năm | | |
| | [H1-1.8-03] | 3. Kế hoạch dạy bù chương trình | Hàng năm | | |
| | [H1-1.8-04] | 4. Thời khóa biểu | Theo học kỳ | | |
| | [H1-1.8-05] | 5. Biên bản sinh hoạt chuyên môn | Hàng năm | | |
| | [H1-1.8-06] | 6. Báo cáo sơ kết, tổng kết chuyên môn | Hàng năm | | |
| | [H1-1.8-07] | 7. Hồ sơ kiểm tra đánh giá giáo viên và nhân viên | Hàng năm | | |
| | [H1-1.8-08] | 8. Sổ ghi đầu bài | Hàng năm | | |
| | [H1-1.8-09] | 9. Hồ sơ triển khai quy định về việc dạy thêm, học thêm của trường | Theo học kỳ | | |
| Tiêu chí 1.9 | [H1- 1.9- 01] | 1.Sổ biên bản hội đồng nhà trường | Hàng năm | | |
| | [H1- 1.9- 02] | 2. Nghị quyết hội nghị viên chức | Hàng năm | | |
| | [H1- 1.9- 03] | 3. Quy chế dân chủ của nhà trường | Hàng năm | | |
| | [H1- 1.9- 04] | 4. Báo cáo thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường | Hàng năm | | |
| | [H1- 1.9- 05] | 5. Báo cáo sơ kết tổng kết của Công đoàn | Hàng năm | | |
| | [H1- 1.9- 06] | 6. Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học | Hàng năm | | |
| | [H1- 1.9- 07] | 7. Báo cáo của thanh tra nhân dân | Theo nhiệm kỳ | | |

| | | | | | |
|----------------------|--------------|---|----------|-------------|--|
| Tiêu chí 1.10 | [H1-1.10-01] | 1. Văn bản phối hợp với cơ quan công an có nội dung liên quan.. | | | |
| | [H1-1.10-02] | 2. Kế hoạch phòng chống dịch bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm. | Hàng năm | | |
| | [H1-1.10-03] | 3. Kế hoạch an toàn phòng chống cháy nổ. | Hàng năm | | |
| | [H1-1.10-04] | 4. Kế hoạch phòng chống thảm họa thiên tai. | Hàng năm | | |
| | [H1-1.10-05] | 5. Bản cam kết phòng chống TNXH và bạo lực học đường | Hàng năm | | |
| | [H1-1.10-06] | 6. Số điện thoại, đường dây nóng, hòm thư góp ý. | Hàng năm | | |
| | [H1-1.10-07] | 7. Báo cáo sơ kết. tổng kết. | Hàng năm | | |
| | [H1-1.10-08] | 8. Báo cáo Công đoàn. | Hàng năm | | |
| | [H1-1.10-09] | 9. Báo cáo thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường. | Hàng năm | | |
| | [H1-1.10-10] | 10. Biên bản làm việc với PHHS | Hàng năm | | |
| Tiêu chí 2.1 | [H2-2.1-01] | 1. Văn bản triệu tập Hiệu trưởng tham gia dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn | | Văn thư | |
| | [H2-2.1-02] | 2. Kết quả đánh giá, xếp loại Hiệu trưởng hàng năm | | Hiệu trưởng | |
| | [H2-2.1-03] | 3. Kết quả học tập tại các lớp bồi dưỡng, tập huấn. Chứng chỉ /chứng nhận đã qua các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ quản lý giáo dục của Hiệu trưởng. | | Văn thư | |
| | [H2-2.1-04] | 4. Văn bản triệu tập Phó Hiệu trưởng tham gia dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn | | Văn thư | |
| | [H2-2.1-05] | 5. Kết quả đánh giá, xếp loại Phó Hiệu trưởng hàng | | Văn thư | |

| | | | | | |
|---------------------|--------------|---|--|-------------|--|
| | | năm | | | |
| | [H2-2.1-06] | 6. Kết quả học tập tại các lớp bồi dưỡng, tập huấn. Chứng chỉ hoặc chứng nhận đã qua các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ quản lý giáo dục của Phó hiệu trưởng. | | Hiệu trưởng | |
| | [H2-2.1-07] | 7. Kết quả học tập của Hiệu trưởng tham dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị/ Văn bản triệu tập tham dự | | Văn thư | |
| | [H2-2.1-08] | 8. Biên bản lấy ý kiến của giáo viên, nhân viên góp ý về công tác quản lý giáo dục của nhà trường hằng năm | | Hiệu trưởng | |
| | [H2-2.1-09] | 9. Kết quả học tập của Phó Hiệu trưởng tham dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị/ Văn bản triệu tập tham dự | | Hiệu trưởng | |
| Tiêu chí 2.2 | [H2-2.2- 01] | 1. Danh sách giáo viên có thông tin về trình độ đào tạo | | Văn thư | |
| | [H2-2.2- 02] | 2. Danh sách giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo của nhà trường | | Hiệu trưởng | |
| | [H2-2.2- 03] | 3. Bảng tổng hợp kết quả đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên hằng năm | | Hiệu trưởng | |
| | [H2-2.2- 04] | 4. Báo cáo sơ kết, tổng kết của nhà trường, công đoàn | | Hiệu trưởng | |
| | [H2-2.2- 05] | 5. Kết quả nghiên cứu khoa học được cấp có thẩm quyền công nhận | | Văn thư | |

| | | | | | |
|---------------------|---------------|---|--|--------------|--|
| Tiêu chí 2.3 | [H2-2.3- 01] | 1.Chứng nhận về trình độ đào tạo của nhân viên | | Hiệu trưởng | |
| | [H2-2.3-02] | 2.Bảng phân công nhiệm vụ cho nhân viên hàng năm | | Hiệu trưởng | |
| | [H2-2.3-03] | 3. Bảng tổng hợp đánh giá, xếp loại nhân viên hàng năm | | Hiệu trưởng | |
| Tiêu chí 2.4 | [H2-2.4-01] | 1. Hồ sơ tuyển sinh đầu cấp học đúng độ tuổi theo quy định Điều lệ trường trung học . | | Văn thư | |
| | [H2-2.4-02] | 2. Sổ đăng bộ, Sổ gọi tên và ghi điểm. | | Văn thư | |
| | [H2-2.4-03] | 3. Báo cáo sơ kết, tổng kết của Hiệu trưởng | | Văn thư | |
| | [H2-2.4-04] | 4.Các quyết định khen thưởng học sinh có thành tích trong học tập và rèn luyện) | | Văn thư | |
| Tiêu chí 3.1 | [H3-3.1- 01] | 1.Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nhà trường | | Hiệu trưởng | |
| | [H3-3.1- 02] | 2.Báo cáo sơ kết, tổng kết. | | Văn thư | |
| | [H3-3.1 - 03] | 3.Hồ sơ thiết kế xây dựng của nhà trường. | | Hiệu trưởng | |
| | [H3-3-01- 04] | 4.Sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục. | | Kế toán | |
| | [H3-3.1- 05] | 5. Bảng thống kê số liệu học sinh toàn trường hàng năm. | | Văn thư | |
| Tiêu chí 3.2 | [H3-3.2- 01] | 1. Biên bản kiểm tra tài sản cơ sở vật chất. | | Kế toán | |
| | [H3-3.2- 02] | 2.Sơ đồ tổng thể của nhà trường. | | Chỉ hình ảnh | |
| | [H3-3.2- 03] | 3.Biên bản kiểm tra tài sản. | | Kế toán | |
| Tiêu chí 3.3 | [H3-3.3-01] | 1. Hồ sơ thiết kế xây dựng của nhà trường. | | Hiệu trưởng | |
| | [H3-3.3- 02] | 2. Sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục. | | Kế toán | |

| | | | | | |
|---------------------|---------------|---|------------------|---------------|--|
| | [H3-3.3- 03] | 3. Biên bản kiểm tra tài sản. | | Kế toán | |
| | [H3-3.3 - 04] | 4. Hình ảnh khối hành chính quản trị. | | Chỉ hình ảnh | |
| Tiêu chí 3.4 | [H3-3.4- 01] | 1. Hợp đồng thu gom và vận chuyển rác. | | Kế toán | |
| | [H3-3.4-02] | 2. Có máy lọc nước sạch cho GV và HS uống | | Chỉ hình ảnh | |
| Tiêu chí 3.5 | [H3-3.5- 01] | 1. Danh mục thiết bị đồ dùng của nhà trường | | Tổ tự nhiên | |
| | [H3-3.5- 02] | 2. Biên bản kiểm kê tài sản | | Kế toán | |
| | [H3-3.5- 03] | 3. Bảng thống kê các thiết bị được sửa chữa hàng năm | | Kế toán | |
| | [H3-3.5- 04] | 4. Hóa đơn sửa chữa các thiết bị | | Kế toán | |
| | [H3-3.5- 05] | 5. Hợp đồng kết nối mạng | | Kế toán | |
| | [H3-3.5-06] | 6. Hóa đơn thanh toán tiền Internet hàng tháng của nhà trường | | Kế toán | |
| | [H3-3.5-07] | 7. Hóa đơn, hợp đồng mua đồ dùng, thiết bị hàng năm | | Kế toán | |
| | [H3-3.5-08] | 8. Sổ dự giờ, biên bản kiểm tra, đánh giá của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn với các thành viên trong tổ | | Tổ chuyên môn | |
| Tiêu chí 3.6 | [H3-3.6-01] | 1. Hồ sơ quản lý thư viện | | Thư viện | |
| | [H3-3.6-02] | 2. Quyết định công nhận Thư viện trường đạt chuẩn quốc gia | | Thư viện | |
| Tiêu chí 4.1 | [H4-4.1-01] | 1. Biên bản họp phụ huynh học sinh của trường. + Thông tư số 55; + Nghị quyết Đại hội CMHS. + Danh sách ban đại diện trường; | Tháng 9 hàng năm | BCH CMHS | |

| | | | | | |
|---------------------|-------------|--|---|--------------|---------------------|
| | | + Danh sách ban đại diện các lớp. | | | |
| | H4-4.1-02] | 1. Phương hướng nhiệm vụ và hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh 2. Báo cáo tổng kết hoạt động. 3. Dự toán thu chi năm học của Ban đại diện cha mẹ. | Tháng 9 hàng năm | BCH CMHS | |
| | [H4-4.1-03] | Biên bản các cuộc họp phụ huynh học sinh của các lớp. | Mỗi năm 3 đợt (đầu năm, cuối HK1, cuối HK2) | GVCN và PHHS | |
| | [H4-4.1-04] | - Quy chế phối hợp giữa Ban đại diện CMHS với nhà trường. - Kế hoạch vận động học sinh bỏ học ra lớp. | Cuối năm học | BCH CMHS | |
| Tiêu chí 4.2 | [H4-4.2-01] | - Các văn bản trình địa phương - Kế hoạch phối hợp thực hiện CTGD | Tháng 9 hàng năm | HT | |
| | [H4-4.2-02] | - Bản đăng kí nhận tin nhắn sms của HS | Tháng 9 hàng năm | HT | |
| | [H4-4.2-03] | - Vận động các mạnh thường quân hàng năm hỗ trợ tập, vở; quần áo, xe đạp cho những em học sinh khó khăn trong nhà trường (Danh sách HS nhận ủng hộ) - Danh sách ủng hộ văn nghệ - Sổ theo dõi và ghi nhận ủng hộ về tinh thần, vật chất của các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường. | Theo từng năm học | Công đoàn | Văn thư, công đoàn. |

| | | | | | |
|---------------------|-------------|---|---------------------------|----------|--------------|
| | [H4-4.2-04] | - Hồ sơ xây dựng bê tông hóa sân trường, sửa chữa nhà vệ sinh... - Văn bản công nhận nhà trường đạt danh hiệu đơn vị văn hóa. | | HT | Lưu HT |
| | [H4-4.2-05] | - Kế hoạch, Các hình ảnh phối hợp giữa công an huyện, tuyên truyền Luật An toàn giao thông, phòng chống tệ nạn xã hội. Tuyên truyền <i>trường học hạnh phúc</i> phòng chống bạo lực học đường. - Các hình ảnh thăm viếng, quét dọn nghĩa trang liệt sĩ. - Kế hoạch phối hợp giữa Nhà trường với Ban đại diện cha mẹ, Biên bản... - Hình ảnh hoạt động hình ảnh hoạt động học tập thực tế môn lịch sử tại địa đạo Đám Tỏa Bình Châu Bình Sơn, Thăm khu lưu niệm cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng và nhà thờ anh hùng yêu nước Nguyễn Nghiêm cho hs khối 6, 7 năm học 2020-2021). | Hình ảnh của từng năm học | Liên đội | Lưu Liên đội |
| Tiêu chí 5.1 | [H5-5.1-01] | 1- Phân phối chương trình (KH giảng dạy) | | Tổ CM | |
| | [H5-5.1-02] | 2- Kế hoạch giáo dục của nhà trường | | HT | |
| | [H5-5.1-03] | 3- Hồ sơ sinh hoạt chuyên đề về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá. | | Tổ CM | |
| | [H5-5.1-04] | 4- Các cuộc thi của học sinh | | VT | |
| | [H5-5.1-05] | 5- Kế hoạch thi học kì | | VT | |
| | [H5-5.1-06] | 6- Kế hoạch bồi dưỡng HSG, phụ đạo HS yếu, kém | | TCM | |

| | | | | | |
|---------------------|--------------|--|--|---------|-------------|
| | [H5-5.1-07] | 7- Kết quả đánh giá năng lực và hạnh kiểm của HS | | HT | |
| | [H5-5.1-08] | 8- Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục (Văn nghệ, ngoại khoá) | | HT | [H5-5.2-01] |
| Tiêu chí 5.2 | [H5-5.2-01] | 1- Kế hoạch hoạt động giáo dục (TDTT, thấp sáng ước mơ) | | HT, TPT | |
| | [H5-5.2-02] | 2- Kế hoạch các câu lạc bộ | | TCM | |
| | [H5-5.2-03] | 3- Danh sách học sinh nhận học bổng qua các năm | | HT | |
| | [H5-5.2-04] | 4- Kết quả hội thi TDTT học sinh | | VT | |
| | [H5-5.2-05] | 5- Kết quả hội thi học sinh giỏi | | VT | |
| Tiêu chí 5.3 | [H5-5.3-01] | 1- Kế hoạch tổ chức dạy học hướng nghiệp, giáo dục địa phương | | HT | |
| | [H5-5.3-02] | 5- Kế hoạch giáo dục | | HT | |
| | [H5-5.3-03] | 6- Giáo án dạy học địa phương | | TV | |
| | [H5-5.3-04] | 7- Tài liệu dạy học giáo dục địa phương | | VT | |
| | [H5-5.3-05] | 8- Biên bản họp nhóm bộ môn | | TCM | |
| Tiêu chí 5.4 | [H5-5.4-01] | 1- Kế hoạch tổ chức dạy học hướng nghiệp | | HT | |
| | [H5-5.4-02] | 2- Tổ chức thực hiện các hoạt động trải nghiệm | | HT | |
| | [H5-5.4-03] | 3- Tổ chức thực hiện các hoạt động hướng nghiệp | | HT | |
| | [H5-5.4-04] | 4- Kế hoạch phân công nhiệm vụ GV-CNV tham gia các hoạt động trải nghiệm | | TPT,HT | |
| | [H5-5.4-05] | 5- Báo cáo tổng kết kết quả đạt được; Hình ảnh, tư liệu về hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp | | TPT | |

| | | | | | |
|---------------------|--------------|---|--|----------|--|
| Tiêu chí 5.5 | [H5-5.5-01] | 1.Tài liệu, giáo án hướng giáo dục học sinh hình thành phát triển kỹ năng sống | | GV | |
| | [H5-5.5-02] | 2- Kế hoạch CLB Giáo dục sức khoẻ sinh sản vị thành niên, An toàn giao thông... | | TPT, TCM | |
| | [H5-5.5-03] | 3- Kết quả rèn luyện đạo đức (hạnh kiểm) của học sinh | | VT | |
| | [H5-5.5-04] | 4- Thông tư 58, 26, 22 | | VT | |
| | [H5-5.5-05] | 5- Danh sách kết quả học sinh tham gia thi KHKT | | VT | |
| Tiêu chí 5.6 | [H5-5.6-01] | 1- Kết quả xếp loại học lực, hạnh kiểm | | VT | |
| | [H5-5.6-02] | 2- Tỷ lệ học sinh lên lớp | | VT | |
| | [H5-5.6-03] | 3- Tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp | | VT | |
| | [H5-5.6-04] | 4- Kế hoạch tổ chức dạy học hướng nghiệp | | HT | |
| | [H5-5.6-05] | 5- Tỷ lệ học sinh giỏi | | VT | |
| | [H5-5.6-06] | 6- Tỷ lệ học sinh khá | | VT | |
| | [H5-5.6-07] | 7- Tỷ lệ học sinh Yếu, kém | | VT | |